

Số: 57/KH-DTNT THCS&THPT VT

Vinh Thanh, ngày 28 tháng 8 năm 2023

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC 2023 - 2024

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05/5/2006 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Chương trình giáo dục phổ thông;

Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục phổ thông và Thông tư số 13/2022/TT-BGDĐT ngày 03/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018;

Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Thông tư số 26/2020/TT-BGDĐT ngày 26/8/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 12 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Thông tư 22/2021/TT-BGD ngày 20/7/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về đánh giá xếp loại học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông;

Quyết định số 2954/QĐ-UBND ngày 09/8/2023 của UBND tỉnh Bình Định Bình Định về Ban hành kế hoạch thời gian năm học 2023-2024 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Công văn số 2214/SGDĐT-GDTrH ngày 3/11/2020 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc quy định sử dụng hệ thống hồ sơ quản lý hoạt động giáo dục và đánh giá xếp loại học sinh phổ thông từ năm học 2020-2021;

Công văn số 1991/SGDĐT-GDTrH ngày 07/8/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục trung học năm học 2023-2024;

Kế hoạch số 2067/KH-SGDĐT ngày 31/08/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo về tiếp tục triển khai thực hiện Đề án “Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh phổ thông giai đoạn 2022-2025”;

Hướng dẫn số 2516/SGDDĐT-GDTH ngày 24/8/2023 của Sở Giáo dục và đào tạo Bình Định về việc hướng dẫn tổ chức Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cấp trung học trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018;

Căn cứ kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học 2022 - 2023; tình hình thực tế trường PTDTNT THCS&THPT Vĩnh Thạnh.

II. BỐI CẢNH

1. Tình hình đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

- Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên 43 người, trong đó:

+ Cán bộ quản lý: 03 người (01 Hiệu trưởng, 02 Phó Hiệu trưởng) và 27 giáo viên chia làm 03 Tổ chuyên môn: Tổ Toán - Tin - CN; tổ Hóa - Sinh - Công nghệ Sinh - Địa - TD - GDQPAN, tổ Văn - Sử - GDCD - T.Anh - Âm nhạc - Mỹ thuật.

+ Nhân viên: 14 người (01 Kế toán, 01 Y tế, 01 Giáo vụ; 01 Thư viện, 01 Văn thư kiêm Thủ quỹ, 02 Bảo vệ, 06 nhân viên cấp dưỡng)

+ Hợp đồng thỉnh giảng 02 giáo viên của trường THPT Vĩnh Thạnh ở hai bộ môn GDQPAN và Công nghệ Sinh.

- Chất lượng đội ngũ: 100% cán bộ quản lý, giáo viên đạt chuẩn đào tạo và trên chuẩn, có 09 thạc sĩ (chiếm tỷ lệ 29 %).

- Năng lực chuyên môn:

+ Giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh: 08 người.

+ Giáo viên chủ nhiệm giỏi cấp tỉnh: 02 người

2. Tình hình học sinh

Tổng số học sinh toàn trường: 507 học sinh/16 lớp, trong đó:

- Khối 6: 02 lớp với 62 học sinh;

- Khối 7: 02 lớp với 62 học sinh;

- Khối 8: 02 lớp với 55 học sinh;

- Khối 9: 02 lớp với 40 học sinh;

- Khối 10: 03 lớp với 121 học sinh;

- Khối 11: 02 lớp với 95 học sinh;

- Khối 12: 02 lớp với 72 học sinh.

3. Cơ sở vật chất trường học

- Có 16 phòng học (có trang bị tivi hoặc máy chiếu); có 03 phòng học thực hành Lý - Hóa - Sinh, 02 phòng thực hành Tin học, 01 phòng Ngoại ngữ, 01 phòng Nhạc, 01 phòng y tế; 01 phòng Đoàn- Đội, 01 phòng truyền thống và trưng bày sản phẩm văn hóa dân tộc, 01 phòng thư viện trang bị đủ sách giáo khoa và sách tham khảo.

- Khu nhà hiệu bộ có đủ phòng làm việc cho viên chức quản lý và nhân viên, gồm: 01 phòng Hiệu trưởng, 02 phòng Phó Hiệu trưởng, 01 phòng Hội đồng, 01 phòng Hội trường, 01 phòng tiếp dân và phòng Văn thư kiêm thủ quỹ,

phòng Công đoàn, phòng Kế toán, phòng nhân viên thiết bị, 03 phòng tổ chuyên môn, phòng Tư vấn, 01 phòng thường trực bảo vệ cơ quan và 02 nhà vệ sinh giáo viên.

- Khu sân chơi, bãi tập, nhà để xe cho học sinh rộng rãi, thoáng mát; 01 Nhà đa năng; 02 nhà vệ sinh học sinh.

- Trang thiết bị dạy học: đảm bảo đủ các thiết bị dạy học tối thiểu.

4. Phân tích bối cảnh

Môi trường bên trong	Điểm mạnh (S)	Điểm yếu (W)	Ảnh hưởng đến hoạt động của nhà trường
- Đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý của nhà trường	- Lãnh đạo nhà trường có năng lực tốt, quan tâm chỉ đạo sâu sát, kịp thời mọi hoạt động trong nhà trường. - Tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên đoàn kết, kỷ cương, trách nhiệm và có năng lực chuyên môn, có phẩm chất đạo đức tốt	- Một số ít giáo viên trẻ ít đầu tư tự học và học hỏi để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. - Việc thừa thiếu cục bộ ở các Tổ bộ môn cũng ảnh hưởng đến hoạch định và phân công nhân sự.	- Tập thể làm việc chưa đồng bộ - Khó khăn trong việc phân công giáo viên và nhân viên
- Học sinh	- Hầu hết học sinh có đạo đức tốt, chăm ngoan.	- Ý thức tự giác học tập và rèn luyện của một bộ phận học sinh chưa cao. - Đa số học sinh ở vùng sâu, vùng xa, là người DTTS phải ăn ở xa nhà, tự quản ... - Chất lượng học sinh đầu vào thấp do xét tuyển, không qua thi tuyển.	- Một số ít học sinh dễ bỏ học hoặc thiếu cố gắng trong học tập - Điều kiện KT-XH, chất lượng đầu vào ảnh hưởng đến chất lượng giáo dục của nhà trường
Tài chính, cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học	- Cơ sở vật chất và tài chính cơ bản đảm bảo cho hoạt động dạy học và giáo dục.	- Nguồn tài chính để tổ chức các hoạt động trải nghiệm, sáng tạo, thực tế học sinh còn hạn chế	- Sân chơi, bãi tập, nơi tổ chức các hoạt động tập thể còn hạn chế. - Việc rèn luyện kỹ năng sống, trải nghiệm thực tế

			của học sinh chưa được chú trọng.
Truyền thống nhà trường	<ul style="list-style-type: none"> - Truyền thống gần 40 năm xây dựng và trường thành, luôn thi đua dạy tốt, học tốt và nuôi tốt. - Các cấp, các ngành Luôn quan tâm đến công tác giáo dục dân tộc. 		
Những điểm mạnh, điểm yếu trong hoạt động dạy học	<ul style="list-style-type: none"> - Tích cực triển khai các hoạt động đổi mới phương pháp dạy học và giáo dục 	<ul style="list-style-type: none"> - Một số giáo viên còn dạy học và giáo dục theo lối cũ, ngại đổi mới phương pháp dạy học và ứng dụng CNTT, ít tích hợp, lồng ghép, rèn luyện kỹ năng sống cho học sinh 	<ul style="list-style-type: none"> - Việc đổi mới trong nhà trường chưa theo kịp kế hoạch đổi mới giáo dục của ngành, học sinh học thụ động, chưa phát triển toàn diện về thể chất và năng lực
Môi trường bên ngoài	Cơ hội (O)	Thách thức (T)	Ảnh hưởng đến hoạt động của nhà trường
<ul style="list-style-type: none"> - Trình độ dân trí và điều kiện giáo dục của địa phương và phụ huynh học sinh 	<ul style="list-style-type: none"> - Bước đầu cha mẹ học sinh quan tâm việc học tập của con em mình 	<ul style="list-style-type: none"> - Kinh tế còn khó khăn, đa số cha mẹ học sinh lao động tự do, trình độ dân trí thấp, khoán trắng việc giáo dục học sinh cho nhà trường 	<ul style="list-style-type: none"> Nguy cơ vi phạm pháp luật, tệ nạn xã hội tăng cao; học sinh phải đối mặt với nhiều áp lực, có thể làm nảy sinh nhiều vấn đề rối loạn tâm lý, cảm xúc.
<ul style="list-style-type: none"> - Cơ sở chính sách, pháp luật của quốc gia và địa phương về giáo dục 	<ul style="list-style-type: none"> - Huyện và ngành có nhiều chính sách khuyến khích phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, quan tâm đầu tư cho giáo dục và đào tạo, quan tâm đến người học và Nhất là học sinh dân tộc thiểu số , học sinh hoàn cảnh khó khăn 	<ul style="list-style-type: none"> - Chính sách thu hút nhân lực chưa đủ mạnh, còn nhiều lao động có trình độ cao sau khi học không quay về địa phương. Nhiều HS sau khi tốt nghiệp ĐH, CĐ không có việc làm. 	
<ul style="list-style-type: none"> - Sự phát triển kinh tế của địa 	<ul style="list-style-type: none"> - Điều kiện phát triển kinh tế ở huyện miền núi còn nhiều khó khăn, kinh tế 	<ul style="list-style-type: none"> - Tăng dân số cơ học, thay đổi môi trường sống, trật tự an ninh 	

phương và quốc gia	chủ yếu nông nghiệp và lâm nghiệp	xã hội phức tạp hơn	
- Yếu tố văn hóa xã hội vùng/ miền dân tộc	- Truyền thống văn hóa nhân ái nghĩa tình chăm lao động, hiếu học.	- Sự du nhập của những yếu tố văn hóa mới không phù hợp; sự phát triển mạnh mẽ của internet ảnh hưởng đến người dùng nếu không kiểm soát được.	
- Yếu tố CNTT và quốc tế hóa trong giáo dục	- Khuyến khích phát triển công nghệ thông tin trong hoạt động giáo dục	- Chưa kiểm soát được các mặt tiêu cực của mạng xã hội	

III. MỤC TIÊU

Tiếp tục thực hiện hiệu quả CT GDPT 2006 đối với lớp 9 và lớp 12; đáp ứng đầy đủ mọi điều kiện để triển khai thực hiện tốt chương trình GDPT 2018 đối với lớp 6,7, 8, 10, 11; tăng cường nền nếp, kỷ cương và chất lượng, hiệu quả giáo dục; chú trọng giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, ý thức, trách nhiệm của công dân đối với xã hội, cộng đồng của học sinh; tăng tỷ lệ học sinh có học lực khá, giỏi và học sinh đạt học sinh giỏi cấp tỉnh; nâng cao chất lượng giáo dục mũi nhọn. Đoàn kết, sáng tạo, ra sức phấn đấu hoàn thành tốt các nhiệm vụ và mục tiêu đổi mới, củng cố và nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo.

IV. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Biên chế lớp học, lựa chọn môn học, danh mục sách giáo khoa

a) Đối với lớp 6

- Số lượng học sinh: 62 được biên chế thành 02 lớp.

- Dạy học theo chương trình GDPT 2018.

- Danh mục Sách giáo khoa lớp 6 sử dụng trong nhà trường từ năm học 2021 - 2022

TT	Tên sách	Bộ sách	Tên tác giả	NXB
----	----------	---------	-------------	-----

1	Ngữ văn 6 Tập 1	Chân trời sáng tạo	Nguyễn Thị Hồng Nam (Chủ biên), Trần Lê Duy, Nguyễn Thị Ngọc Diệp, Nguyễn Thị Minh Ngọc, Nguyễn Thành Thi, Nguyễn Thị Ngọc Thúy.	Giáo dục Việt Nam
	Ngữ văn 6 Tập 2		Nguyễn Thị Hồng Nam (Chủ biên), Trần Lê Duy, Dương Thị Hồng Hiếu, Phan Mạnh Hùng, Nguyễn Thị Minh Ngọc, Trần Tiến Thành, Nguyễn Thành Thi, Nguyễn Thị Ngọc Thúy, Lê Quang Trường.	Giáo dục Việt Nam
2	Toán 6 Tập 1	Chân trời sáng tạo	Trần Nam Dũng, Bùi Văn Nghị (đồng Tổng chủ biên), Vũ Quốc Chung, Trần Đức Huyền (đồng Chủ biên), Nguyễn Cam, Nguyễn Hắc Hải, Nguyễn Văn Hiến, Chu Thu Hoàn, Lê Văn Hồng, Đặng Thị Thu Huệ, Ngô Hoàng Long, Dương Bửu Lộc, Trần Luận, Huỳnh Ngọc Thanh, Chu Cẩm Thơ, Phạm Thị Diệu Thùy, Nguyễn Đặng Trí Tín.	Giáo dục Việt Nam
	Toán 6 Tập 2		Trần Nam Dũng, Bùi Văn Nghị (đồng Tổng Chủ biên), Vũ Quốc Chung, Trần Đức Huyền (đồng Chủ biên), Nguyễn Cam, Nguyễn Hắc Hải, Nguyễn Văn Hiến, Chu Thu Hoàn, Lê Văn Hồng, Đặng Thị Thu Huệ, Ngô Hoàng Long, Dương Bửu Lộc, Trần Luận, Huỳnh Ngọc Thanh, Chu Cẩm Thơ, Phạm Thị Diệu Thùy, Nguyễn Đặng Trí Tín.	Giáo dục Việt Nam
3	Tiếng Anh 6	Global Success	Hoàng Văn Vân (Tổng chủ biên), Nguyễn Thị Chi (Chủ biên), Lê Kim Dung, Phan Chí Nghĩa, Vũ Mai Trang, Lương Quỳnh Trang.	Giáo dục Việt Nam
		Global Success	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Chi (Chủ biên), Lê Kim Dung, Phan Chí Nghĩa, Vũ Mai Trang, Lương Quỳnh Trang, Nguyễn Quốc Tuấn.	Giáo dục Việt Nam
4	Giáo dục công dân 6	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thị Mai Phương (Chủ biên), Nguyễn Hà An, Nguyễn Thị Hoàng Anh, Phạm Thị Kim Dung, Nguyễn Thị Thọ.	Giáo dục Việt Nam
5	Khoa học tự nhiên 6	Chân trời sáng tạo	Cao Cự Giác (Tổng Chủ biên, kiêm Chủ biên), Phạm Thị Hương, Trần Thị Kim Ngân, Nguyễn Thị Nhị, Trần Ngọc Thắng.	Giáo dục Việt Nam
6	Lịch sử và Địa lí 6	Chân trời sáng tạo	Nguyễn Kim Hồng (Tổng Chủ biên phần Địa lí), Hà Bích Liên (Chủ biên phần Lịch sử), Phạm Thị Bình (Chủ biên phần Địa lí), Nguyễn Trà My, Mai Thị Phú Phương, Nguyễn Kim Tường Vy, Hà Văn Thắng, Nguyễn Hữu Bách, Huỳnh Phạm Dũng Phát, Phan Văn Phú, Nguyễn Thị Kim Liên, Vũ Thị Bắc, Phạm Đỗ Văn Trung.	Giáo dục Việt Nam
7	Tin học 6	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên), Hà Đặng Cao Tùng (Chủ biên), Đinh Thị Hạnh Mai, Hoàng Thị Mai.	Giáo dục Việt Nam
8	Công nghệ 6	Kết nối tri thức với cuộc sống	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Trương Thị Hồng Huệ, Lê Xuân Quang, Vũ Thị Ngọc Thúy, Nguyễn Thanh Trinh, Vũ Cẩm Tú.	Giáo dục Việt Nam

		sống		
9	Âm nhạc 6	Kết nối tri thức với cuộc sống	Hoàng Long, Đỗ Thị Minh Chính (đồng Tổng Chủ biên), Vũ Mai Lan (Chủ biên), Bùi Minh Hoa, Trần Bảo Lâm, Trịnh Thị Oanh, Cao Sỹ Anh Tùng, Nguyễn Thị Thanh Vân.	Giáo dục Việt Nam
10	Mĩ thuật 6	Chân trời sáng tạo	Nguyễn Thị Nhung, Nguyễn Xuân Tiên (đồng Tổng Chủ biên), Nguyễn Tuấn Cường, Nguyễn Hồng Ngọc (đồng Chủ biên), Quách Thị Ngọc An, Nguyễn Dương Hải Đăng, Nguyễn Đức Giang, Phạm Ngọc Mai, Trần Đoàn Thanh Ngọc, Đàm Thị Hải Uyên, Trần Thị Vân.	Giáo dục Việt Nam
11	Giáo dục thể chất 6	Kết nối tri thức với cuộc sống	Hồ Đắc Sơn, Nguyễn Duy Quyết (đồng Tổng Chủ biên), Ngô Việt Hoàn, Nguyễn Mạnh Toàn (đồng Chủ biên), Vũ Tuấn Anh, Nguyễn Hữu Bình, Nguyễn Xuân Đoàn, Lê Trường Sơn Chấn Hải, Đỗ Mạnh Hưng, Lê Chí Nhân, Phạm Hoài Quyên, Phạm Mai Vương.	Giáo dục Việt Nam
12	Hoạt động trải nghiệm, Hướng nghiệp 6	Kết nối tri thức với cuộc sống	Lưu Thu Thủy, Bùi Sỹ Tụng (đồng Tổng Chủ biên), Hoàng Thị Hạnh, Nguyễn Thị Việt Nga, Trần Thị Thu (đồng Chủ biên), Vũ Thị Lan Anh, Nguyễn Thanh Bình, Lê Văn Cầu, Dương Thị Thu Hà, Tạ Văn Hai, Nguyễn Thu Hương, Lê Thị Luận, Nguyễn Thị Thanh Mai, Nguyễn Hồng Thuận, Lê Thị Thanh Thủy.	Giáo dục Việt Nam
13	Giáo dục địa phương Bình Định, lớp 6		Đào Đức Tuấn (Tổng chủ biên), Lê Thị Diễm (Chủ biên), Trần Văn Năng, Huỳnh Tấn Châu, Nguyễn Hoàng Chiến, Phan Chí Quốc Hùng, Trần Văn Minh, Hồ Thị Minh Phụng, Nguyễn Đình Sim, Quách Nguyễn Huyền Trân, Lê Ngọc Vịnh.	Sở GDĐT Bình Định

b) Đối với lớp 7

- Số lượng học sinh: 62 được biên chế thành 02 lớp.

- Danh mục Sách giáo khoa lớp 7 sử dụng trong nhà trường từ năm học 2022 -

2023

TT	Tên sách	Bộ sách	Tên tác giả	NXB
1	Ngữ văn 7	Chân trời sáng tạo (Tập 1)	Nguyễn Thị Hồng Nam, Nguyễn Thành Thi (đồng Chủ biên), Trần Lê Duy, Phan Mạnh Hùng, Tăng Thị Tuyết Mai, Nguyễn Thị Ngọc Thúy, Phan Thu Vân.	Giáo dục Việt Nam
	Ngữ văn 7	Chân trời sáng tạo (Tập 2)	Nguyễn Thị Hồng Nam, Nguyễn Thành Thi (đồng Chủ biên), Nguyễn Thành Ngọc Bảo, Trần Lê Duy, Dương Thị Hồng Hiếu, Tăng Thị Tuyết Mai, Nguyễn Thị Minh Ngọc, Nguyễn Thị Ngọc Thúy.	Giáo dục Việt Nam

2	Toán 7	Chân trời sáng tạo (Tập 1)	Trần Nam Dũng (Tổng Chủ biên), Trần Đức Huyền (Chủ biên), Nguyễn Cam, Nguyễn Văn Hiến, Ngô Hoàng Long, Huỳnh Ngọc Thanh.	Giáo dục Việt Nam
	Toán 7	Chân trời sáng tạo (Tập 2)	Trần Nam Dũng (Tổng Chủ biên), Trần Đức Huyền (Chủ biên), Nguyễn Cam, Nguyễn Văn Hiến, Ngô Hoàng Long, Huỳnh Ngọc Thanh.	Giáo dục Việt Nam
3	Giáo dục công dân 7	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thị Mai Phương (Chủ biên), Nguyễn Hà An, Nguyễn Thị Hoàng Anh, Phạm Thị Kim Dung, Nguyễn Thị Thọ.	Giáo dục Việt Nam
4	Khoa học tự nhiên 7	Chân trời sáng tạo	Cao Cự Giác (Tổng Chủ biên, kiêm Chủ biên), Nguyễn Đức Hiệp, Tống Xuân Tám (đồng Chủ biên), Nguyễn Công Chung, Trần Hoàng Dương, Phạm Thị Hương, Phạm Thị Lịch, Trần Thị Kim Ngân, Trần Hoàng Nghiêm, Lê Cao Phan, Trần Ngọc Thắng, Nguyễn Tấn Trung.	Giáo dục Việt Nam
5	Lịch sử và Địa lí 7	Chân trời sáng tạo	Hà Bích Liên, Mai Thị Phú Phương (đồng chủ biên phần Lịch sử); Trần Văn Nhân, Nguyễn Kim Tường Vy, Nguyễn Trà My, Hồ Thanh Tâm, Nguyễn Đức Hoà; Nguyễn Kim Hồng (Tổng chủ biên phần Địa lí); Phan Văn Phú, Mai Phú Thanh (đồng chủ biên phần Địa lí); Vũ Thị Bắc, Trần Ngọc Diệp, Nguyễn Hà Quỳnh Giao, Hoàng Thị Kiều Oanh, Huỳnh Phạm Dũng Phát, Phạm Đỗ Văn Trung.	Giáo dục Việt Nam
6	Tin học 7	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên), Hà Đặng Cao Tùng (Chủ biên), Phan Anh, Bùi Việt Hà, Đinh Thị Hạnh Mai, Hoàng Thị Mai.	Giáo dục Việt Nam
7	Công nghệ 7	Kết nối tri thức với cuộc sống	Lê Huy Hoàng (Tổng chủ biên), Đồng Huy Giới (Chủ biên), Cao Bá Cường, Bùi Hữu Đoàn, Bùi Thị Thu Hương, Kim Văn Vạn	Giáo dục Việt Nam
8	Âm nhạc 7	Kết nối tri thức với cuộc sống	Hoàng Long, Đỗ Thị Minh Chính (đồng Tổng Chủ biên), Vũ Mai Lan (Chủ biên), Bùi Minh Hoa, Lê Thị Tuyết, Nguyễn Thị Thanh Vân.	Giáo dục Việt Nam
9	Mĩ thuật 7	Chân trời sáng tạo	Nguyễn Thị Nhung (Tổng Chủ biên), Nguyễn Tuấn Cường, Nguyễn Hồng Ngọc (đồng Chủ biên), Nguyễn Đức Giang, Võ Thị Nguyên, Đàm Thị Hải Uyên, Trần Thị Vân.	Giáo dục Việt Nam
10	Giáo dục thể chất 7	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Hồ Đắc Sơn (Chủ biên), Vũ Tuấn Anh, Nguyễn Xuân Đoàn, Nguyễn Thị Hà, Lê Trường Sơn Chân Hải, Ngô Việt Hoàn, Trần Mạnh Hùng.	Giáo dục Việt Nam

11	Hoạt động trải nghiệm, Hướng nghiệp 7	Kết nối tri thức với cuộc sống	Lưu Thu Thủy (Tổng Chủ biên), Trần Thị Thu (Chủ biên), Nguyễn Thanh Bình, Dương Thị Thu Hà, Nguyễn Thu Hương, Nguyễn Thị Việt Nga, Lê Thị Thanh Thủy.	Giáo dục Việt Nam
12	Tiếng Anh 7	Global Success	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Chi (Chủ biên), Lê Kim Dung, Nguyễn Thụy Phương Lan, Phan Chí Nghĩa, Lương Quỳnh Trang, Nguyễn Quốc Tuấn.	Giáo dục Việt Nam
13	Giáo dục địa phương Bình Định, lớp 7		Đào Đức Tuấn (Tổng chủ biên), Lê Thị Điền (Chủ biên), Trần Văn Năng, Huỳnh Tấn Châu, Nguyễn Hoàng Chiến, Phan Chí Quốc Hùng, Trần Văn Minh, Hồ Thị Minh Phụng, Nguyễn Đình Sim, Quách Nguyễn Huyền Trân, Lê Ngọc Vịnh.	Sở GDĐT Bình Định

c) Đối với lớp 8

- Số lượng học sinh: 55 được biên chế thành 02 lớp.

- Danh mục Sách giáo khoa lớp 8 sử dụng trong nhà trường từ năm học 2023 - 2024

TT	Tên sách	Bộ sách	Tên tác giả	NXB
1	Ngữ văn 8	Chân trời sáng tạo (Tập 1)	Nguyễn Thị Hồng Nam, Nguyễn Thành Thi (đồng Chủ biên), Trần Lê Duy, Phan Mạnh Hùng, Tăng Thị Tuyết Mai, Nguyễn Thị Ngọc Thúy, Phan Thu Vân.	Giáo dục Việt Nam
	Ngữ văn 8	Chân trời sáng tạo (Tập 2)	Nguyễn Thị Hồng Nam, Nguyễn Thành Thi (đồng Chủ biên), Nguyễn Thành Ngọc Bảo, Trần Lê Duy, Dương Thị Hồng Hiếu, Tăng Thị Tuyết Mai, Nguyễn Thị Minh Ngọc, Nguyễn Thị Ngọc Thúy.	Giáo dục Việt Nam
2	Toán 8	Chân trời sáng tạo (Tập 1)	Trần Nam Dũng (Tổng Chủ biên), Trần Đức Huyền (Chủ biên), Nguyễn Cam, Nguyễn Văn Hiến, Ngô Hoàng Long, Huỳnh Ngọc Thanh.	Giáo dục Việt Nam
	Toán 8	Chân trời sáng tạo (Tập 2)	Trần Nam Dũng (Tổng Chủ biên), Trần Đức Huyền (Chủ biên), Nguyễn Cam, Nguyễn Văn Hiến, Ngô Hoàng Long, Huỳnh Ngọc Thanh.	Giáo dục Việt Nam
3	Giáo dục công dân 8	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thị Mai Phương (Chủ biên), Nguyễn Hà An, Nguyễn Thị Hoàng Anh, Phạm Thị Kim Dung, Nguyễn Thị Thọ.	Giáo dục Việt Nam
4	Khoa học tự nhiên 8	Cánh Diều	Cao Cự Giác (Tổng Chủ biên, kiêm Chủ biên), Nguyễn Đức Hiệp, Tống Xuân Tâm (đồng Chủ biên), Nguyễn Công Chung, Trần Hoàng Dương, Phạm Thị Hương,	Giáo dục Việt Nam

			Phạm Thị Lịch, Trần Thị Kim Ngân, Trần Hoàng Nghiêm, Lê Cao Phan, Trần Ngọc Thắng, Nguyễn Tấn Trung.	
5	Lịch sử và Địa lí 8	Chân trời sáng tạo	Hà Bích Liên, Mai Thị Phú Phương (đồng chủ biên phần Lịch sử); Trần Văn Nhân, Nguyễn Kim Tường Vy, Nguyễn Trà My, Hồ Thanh Tâm, Nguyễn Đức Hoà; Nguyễn Kim Hồng (Tổng chủ biên phần Địa lí); Phan Văn Phú, Mai Phú Thanh (đồng chủ biên phần Địa lí); Vũ Thị Bắc, Trần Ngọc Điệp, Nguyễn Hà Quỳnh Giao, Hoàng Thị Kiều Oanh, Huỳnh Phạm Dũng Phát, Phạm Đỗ Văn Trung.	Giáo dục Việt Nam
6	Tin học 8	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên), Hà Đặng Cao Tùng (Chủ biên), Phan Anh, Bùi Việt Hà, Đinh Thị Hạnh Mai, Hoàng Thị Mai.	Giáo dục Việt Nam
7	Công nghệ 8	Kết nối tri thức với cuộc sống	Lê Huy Hoàng (Tổng chủ biên), Đồng Huy Giới (Chủ biên), Cao Bá Cường, Bùi Hữu Đoàn, Bùi Thị Thu Hương, Kim Văn Vạn	Giáo dục Việt Nam
8	Âm nhạc 8	Kết nối tri thức với cuộc sống	Hoàng Long, Đỗ Thị Minh Chính (đồng Tổng Chủ biên), Vũ Mai Lan (Chủ biên), Bùi Minh Hoa, Lê Thị Tuyết, Nguyễn Thị Thanh Vân.	Giáo dục Việt Nam
9	Mĩ thuật 8	Chân trời sáng tạo	Nguyễn Thị Nhung (Tổng Chủ biên), Nguyễn Tuấn Cường, Nguyễn Hồng Ngọc (đồng Chủ biên), Nguyễn Đức Giang, Võ Thị Nguyên, Đàm Thị Hải Uyên, Trần Thị Vân.	Giáo dục Việt Nam
10	Giáo dục thể chất 8	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Hồ Đắc Sơn (Chủ biên), Vũ Tuấn Anh, Nguyễn Xuân Đoàn, Nguyễn Thị Hà, Lê Trường Sơn Chấn Hải, Ngô Việt Hoàn, Trần Mạnh Hùng.	Giáo dục Việt Nam
11	Hoạt động trải nghiệm, Hướng nghiệp 8	Kết nối tri thức với cuộc sống	Lưu Thu Thủy (Tổng Chủ biên), Trần Thị Thu (Chủ biên), Nguyễn Thanh Bình, Dương Thị Thu Hà, Nguyễn Thu Hương, Nguyễn Thị Việt Nga, Lê Thị Thanh Thủy.	Giáo dục Việt Nam
12	Tiếng Anh 8	Global Success	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Chi (Chủ biên), Lê Kim Dung, Nguyễn Thụy Phương Lan, Phan Chí Nghĩa, Lương Quỳnh Trang, Nguyễn Quốc Tuấn.	Giáo dục Việt Nam
13	Giáo dục địa phương Bình Định,			Sở GDĐT Bình Định

	lớp 8		
--	-------	--	--

d) Đối với lớp 9

- Khối lớp 9: Số lượng học sinh: 49, được biên chế thành 02 lớp;

-Thực hiện Công văn số 8607/BGDĐT-GDTrH ngày 16/8/2007 của Bộ GD&ĐT về việc hướng dẫn dạy học tự chọn cấp THCS và cấp THPT năm học 2007-2008 trường đã thực hiện chọn môn Tin học làm môn dạy học Tự chọn (trong 3 môn Tin học, Ngoại ngữ 2, Nghề phổ thông) với thời lượng 2 tiết/tuần, tổng 70 tiết/năm học.

đ) Đối với học sinh lớp 10

- Số lượng học sinh 121, được biên chế thành 03 lớp. Dạy học theo chương trình GDPT 2018.

- Các môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc: Học sinh bắt buộc học 08 môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc bao gồm: Ngữ văn; Toán; Ngoại ngữ; Lịch sử; Giáo dục quốc phòng và an ninh; Giáo dục thể chất (chọn Bóng chuyền); Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp; Nội dung giáo dục địa phương.

- Các môn học lựa chọn và chuyên đề học tập lựa chọn:

Học sinh lựa chọn 04 môn học trong 09 môn: Vật lý, Hóa học, Sinh học, Địa lí, GDKT&PL, Tin học, Công nghệ, Nhạc và Mỹ thuật; 03 chuyên đề học tập bổ trợ trong số các môn học, hoạt động giáo dục bắt buộc và môn học lựa chọn. Cụ thể:

Lớp	Số lượng học sinh	Các môn học lựa chọn	Các chuyên đề học tập
10A1	40	Hóa học, Địa lí, Sinh học và Công nghệ Sinh (Trồng trọt)	Hóa học, Sinh học và Lịch sử
10A2	40	Vật lý, GDKT&PL, Tin học và Công nghệ Sinh (Trồng trọt)	Ngữ văn, Lịch sử và Vật lí
10A3	41	Hóa học, Sinh học, Địa lí và Tin học	Ngữ văn, Lịch sử và Địa lí

- Danh mục Sách giáo khoa lớp 10 sử dụng trong nhà trường từ năm học 2022-2023

TT	Tên sách/ chuyên đề	Tên bộ sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
1	Ngữ văn 10, tập 1	Chân trời sáng tạo	Nguyễn Thành Thi (Chủ biên), Nguyễn Thành Ngọc Bảo, Trần Lê Duy, Dương Thị Hồng Hiếu, Phạm Ngọc Lan, Tăng Thị Tuyết Mai, Đinh Phan Cẩm Vân	Giáo dục Việt Nam
	Ngữ văn 10, tập 2	Chân trời sáng tạo	Nguyễn Thành Thi (Chủ biên), Nguyễn Thành Ngọc Bảo, Trần Lê Duy, Tăng Thị Tuyết Mai, Nguyễn Thị Hồng Nam, Nguyễn Thị Ngọc Thúy, Trần Lê Hoa Tranh, Đoàn Thị Thu Vê	Giáo dục Việt Nam
2	Chuyên đề học tập Ngữ văn 10	Chân trời sáng tạo	Nguyễn Thành Thi, Nguyễn Văn Tùng (đồng Chủ biên), Lê Thị Ngọc Anh, Trần Lê Duy, Võ Thị Phúc Hồng, Trần Minh Hoàng, Huỳnh Vũ Lam, Nguyễn Thị Hồng Nam, Hồ Trần Ngọc Oanh	Giáo dục Việt Nam
3	Toán 10, tập 1	Kết nối tri thức với cuộc sống	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Cung Thế Anh, Trần Văn Tấn, Đặng Hùng Thắng (Đồng Chủ biên), Hạ Vũ Anh, Trần Mạnh Cường, Phan Thị Hà Dương, Nguyễn Đạt Đăng, Phạm Hoàng Hà, Đặng Đình Hanh, Phan Thanh Hồng, Nguyễn Thị Kim Sơn, Dương Anh Tuấn, Nguyễn Chu Gia Vượng	Giáo dục Việt Nam
	Toán 10, tập 2	Kết nối tri thức với cuộc sống	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Cung Thế Anh, Trần Văn Tấn, Đặng Hùng Thắng (Đồng Chủ biên), Hạ Vũ Anh, Trần Mạnh Cường, Phan Thị Hà Dương, Nguyễn Đạt Đăng, Phạm Hoàng Hà, Đặng Đình Hanh, Phan Thanh Hồng, Nguyễn Thị Kim Sơn, Dương Anh Tuấn, Nguyễn Chu Gia Vượng	Giáo dục Việt Nam
4	Chuyên đề học tập Toán 10	Kết nối tri thức với cuộc sống	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Cung Thế Anh, Trần Văn Tấn, Đặng Hùng Thắng (Đồng Chủ biên), Hạ Vũ Anh, Trần Mạnh Cường, Phan Thị Hà Dương, Nguyễn Đạt Đăng, Phạm Hoàng Hà, Đặng Đình Hanh, Phan Thanh Hồng, Nguyễn Thị Kim Sơn, Dương Anh Tuấn, Nguyễn Chu Gia Vượng	Giáo dục Việt Nam
5	Giáo dục thể chất 10: Bóng chuyền	Kết nối tri thức với cuộc sống	Trịnh Hữu Lộc (Tổng chủ biên), Nguyễn Văn Hùng (Chủ biên), Phạm Thị Lệ Hằng, Nguyễn Trần Phúc, Đặng Hà Việt.	Giáo dục Việt Nam
6	Lịch sử 10	Kết nối tri thức với cuộc sống	Vũ Minh Giang (Tổng chủ biên xuyên suốt), Phạm Hồng Tung (Tổng Chủ biên cấp THPT kiêm Chủ biên), Nguyễn Nhật Linh, Phạm Văn Lợi, Vũ Văn Quân, Đặng Hồng Sơn, Phạm Văn Thủy, Trần Thị Vinh.	Giáo dục Việt Nam
7	Địa lí 10	Kết nối tri thức với cuộc sống	Lê Huỳnh (Tổng Chủ biên), Lê Huỳnh, Nguyễn Việt Khôi (Đồng Chủ biên), Nguyễn Đình Cử, Vũ Thị Hằng, Trần Thị Hồng Mai, Nguyễn Phương Thảo	Giáo dục Việt Nam

8	Giáo dục kinh tế và pháp luật 10	Kết nối tri thức với cuộc sống	Trần Thị Mai Phương (Chủ biên), Nguyễn Hà An, Phạm Thị Kim Dung, Nguyễn Thị Toan.	Giáo dục Việt Nam
9	Vật lí 10	Kết nối tri thức với cuộc sống	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Bùi Gia Thịnh (Chủ biên), Phạm Kim Chung, Tô Giang, Nguyễn Xuân Quang, Nguyễn Văn Thụ.	Giáo dục Việt Nam
10	Chuyên đề học tập Vật lí 10	Kết nối tri thức với cuộc sống	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Quang Báu (Chủ biên), Phạm Kim Chung, Đặng Thanh Hải.	Giáo dục Việt Nam
11	Hóa học 10	Chân trời sáng tạo	Cao Cự Giác (Chủ biên), Đặng Thị Thuận An, Nguyễn Đình Độ, Nguyễn Xuân Hồng Quân, Phạm Ngọc Tuấn.	Giáo dục Việt Nam
12	Chuyên đề học tập Hóa học 10	Chân trời sáng tạo	Cao Cự Giác (Chủ biên), Đặng Thị Thuận An, Nguyễn Đình Độ, Nguyễn Xuân Hồng Quân, Phạm Ngọc Tuấn.	Giáo dục Việt Nam
13	Sinh học 10	Chân trời sáng tạo	Tổng Xuân Tám (Chủ biên), Lại Thị Phương Ánh, Trần Hoàng Dương, Phạm Đình Văn	Giáo dục Việt Nam
14	Chuyên đề học tập Sinh học 10	Chân trời sáng tạo	Tổng Xuân Tám (Chủ biên), Lại Thị Phương Ánh, Trần Hoàng Dương, Phạm Đình Văn	Giáo dục Việt Nam
15	Tin học 10	Kết nối tri thức với cuộc sống	Phạm Thế Long (Tổng Chủ biên), Đào Kiến Quốc (Chủ biên), Bùi Việt Hà, Lê Chí Ngọc, Lê Kim Thư	Giáo dục Việt Nam
16	Thiết kế và Công nghệ 10	Kết nối tri thức với cuộc sống	Lê Huy Hoàng (Tổng chủ biên), Đồng Huy Giới (Chủ biên), Nguyễn Thị Ngọc Dinh, Bùi Thị Thu Hương, Bùi Ngọc Tấn	Giáo dục Việt Nam
17	Chuyên đề Công nghệ trồng trọt	Kết nối tri thức với cuộc sống	Lê Huy Hoàng (Tổng chủ biên), Đồng Huy Giới (Chủ biên), Nguyễn Thị Ngọc Dinh, Bùi Thị Thu Hương, Bùi Ngọc Tấn.	Giáo dục Việt Nam
18	Hoạt động trải nghiệm, Hướng nghiệp	Kết nối tri thức với cuộc sống	Lưu Thu Thủy (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thanh Bình (Chủ biên), Lê Văn Cầu, Trần Thị Tố Oanh, Trần Thị Thu.	Giáo dục Việt Nam
19	Giáo dục quốc phòng và an ninh 10	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nghiêm Việt Hải (Tổng Chủ biên), Đoàn Chí Kiên (Chủ biên), Ngô Gia Bắc, Hoàng Quốc Huy, Mai Đức Kiên, Hoàng Việt Long, Vũ Văn Ninh, Doãn Văn Nghĩa.	Giáo dục Việt Nam

20	Tiếng Anh	Global Success	Hoàng Văn Vân (Tổng chủ biên), Hoàng Thị Xuân Hoa (Chủ biên), Chu Quang Bình, Hoàng Thị Hồng Hải, Kiều Thị Thu Hương, Nguyễn Thị Kim Phượng.	Giáo dục Việt Nam
21	Giáo dục địa phương 10		Đào Đức Tuấn (Tổng chủ biên), Lê Thị Diễm (Chủ biên), Trần Văn Năng, Huỳnh Tấn Châu, Nguyễn Hoàng Chiến, Phan Chí Quốc Hùng, Trần Văn Minh, Hồ Thị Minh Phụng, Nguyễn Đình Sim, Quách Nguyễn Huyền Trân, Lê Ngọc Vịnh.	Sở GDĐT Bình Định

e) Đối với học sinh lớp 11

- Số lượng học sinh 95, được biên chế thành 03 lớp. Dạy học theo chương trình GDPT 2018. Cụ thể:

Lớp	Số lượng học sinh	Các môn học lựa chọn	Các chuyên đề học tập
11A1	32	Địa lí, GD KT&PL, Sinh học và Tin học	Ngữ văn, Sinh học, GDKT&PL
11A2	31	Địa lí, GD KT&PL, Hóa học, Công nghệ Sinh.	Lịch sử, Hóa học, Địa lí.
11A3	32	Địa lí, Giáo dục KT&PL, Sinh học, Công nghệ Sinh.	Ngữ văn, Địa lí, Sinh học.

- Danh mục Sách giáo khoa lớp 11 sử dụng trong nhà trường từ năm học 2023-2024

TT	Tên sách/ chuyên đề	Tên bộ sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
1	Ngữ văn 11, tập 1	Chân trời sáng tạo	Nguyễn Thành Thi (Chủ biên), Nguyễn Thành Ngọc Bảo, Trần Lê Duy, Dương Thị Hồng Hiếu, Phạm Ngọc Lan, Tăng Thị Tuyết Mai, Đinh Phan Cẩm Vân	Giáo dục Việt Nam
	Ngữ văn 11, tập 2	Chân trời sáng tạo	Nguyễn Thành Thi (Chủ biên), Nguyễn Thành Ngọc Bảo, Trần Lê Duy, Tăng Thị Tuyết Mai, Nguyễn Thị Hồng Nam, Nguyễn Thị Ngọc Thúy, Trần Lê Hoa Tranh, Đoàn Thị Thu Vâ	Giáo dục Việt Nam
2	Chuyên đề học tập Ngữ văn 11	Chân trời sáng tạo	Nguyễn Thành Thi, Nguyễn Văn Tùng (đồng Chủ biên), Lê Thị Ngọc Anh, Trần Lê Duy, Võ Thị Phúc Hồng, Trần Minh Hoàng, Huỳnh Vũ Lam, Nguyễn Thị Hồng Nam, Hồ Trần Ngọc Oanh	Giáo dục Việt Nam
3	Toán 11, tập 1	Kết nối tri thức với cuộc sống	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Cung Thế Anh, Trần Văn Tấn, Đặng Hùng Thắng (Đồng Chủ biên), Hạ Vũ Anh, Trần Mạnh Cường, Phan Thị Hà Dương, Nguyễn Đạt Đăng, Phạm Hoàng Hà, Đặng Đình Hanh, Phan Thanh Hồng, Nguyễn Thị Kim Sơn, Dương Anh Tuấn, Nguyễn Chu	Giáo dục Việt Nam

			Gia Vượng	
	Toán 11, tập 2	Kết nối tri thức với cuộc sống	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Cung Thế Anh, Trần Văn Tấn, Đặng Hùng Thắng (Đồng Chủ biên), Hạ Vũ Anh, Trần Mạnh Cường, Phan Thị Hà Dương, Nguyễn Đạt Đăng, Phạm Hoàng Hà, Đặng Đình Hanh, Phan Thanh Hồng, Nguyễn Thị Kim Sơn, Dương Anh Tuấn, Nguyễn Chu Gia Vượng	Giáo dục Việt Nam
4	Chuyên đề học tập Toán 11	Kết nối tri thức với cuộc sống	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Cung Thế Anh, Trần Văn Tấn, Đặng Hùng Thắng (Đồng Chủ biên), Hạ Vũ Anh, Trần Mạnh Cường, Phan Thị Hà Dương, Nguyễn Đạt Đăng, Phạm Hoàng Hà, Đặng Đình Hanh, Phan Thanh Hồng, Nguyễn Thị Kim Sơn, Dương Anh Tuấn, Nguyễn Chu Gia Vượng	Giáo dục Việt Nam
5	Giáo dục thể chất 11: Bóng chuyền	Kết nối tri thức với cuộc sống	Trịnh Hữu Lộc (Tổng chủ biên), Nguyễn Văn Hùng (Chủ biên), Phạm Thị Lệ Hằng, Nguyễn Trần Phúc, Đặng Hà Việt.	Giáo dục Việt Nam
6	Lịch sử 11	Kết nối tri thức với cuộc sống	Vũ Minh Giang (Tổng chủ biên xuyên suốt), Phạm Hồng Tung (Tổng Chủ biên cấp THPT kiêm Chủ biên), Nguyễn Nhật Linh, Phạm Văn Lợi, Vũ Văn Quân, Đặng Hồng Sơn, Phạm Văn Thủy, Trần Thị Vinh.	Giáo dục Việt Nam
7	Địa lí 11	Kết nối tri thức với cuộc sống	Lê Huỳnh (Tổng Chủ biên), Lê Huỳnh, Nguyễn Việt Khôi (Đồng Chủ biên), Nguyễn Đình Cừ, Vũ Thị Hằng, Trần Thị Hồng Mai, Nguyễn Phương Thảo	Giáo dục Việt Nam
8	Giáo dục kinh tế và pháp luật 11	Kết nối tri thức với cuộc sống	Trần Thị Mai Phương (Chủ biên), Nguyễn Hà An, Phạm Thị Kim Dung, Nguyễn Thị Toan.	Giáo dục Việt Nam
9	Vật lí 11	Kết nối tri thức với cuộc sống	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Bùi Gia Thịnh (Chủ biên), Phạm Kim Chung, Tô Giang, Nguyễn Xuân Quang, Nguyễn Văn Thụ.	Giáo dục Việt Nam
10	Chuyên đề học tập Vật lí 11	Kết nối tri thức với cuộc sống	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Quang Bá (Chủ biên), Phạm Kim Chung, Đặng Thanh Hải.	Giáo dục Việt Nam
11	Hóa học 11	Chân trời sáng tạo	Cao Cự Giác (Chủ biên), Đặng Thị Thuận An, Nguyễn Đình Độ, Nguyễn Xuân Hồng Quân, Phạm Ngọc Tuấn.	Giáo dục Việt Nam

12	Chuyên đề học tập Hóa học 11	Chân trời sáng tạo	Cao Cự Giác (Chủ biên), Đặng Thị Thuận An, Nguyễn Đình Độ, Nguyễn Xuân Hồng Quân, Phạm Ngọc Tuấn.	Giáo dục Việt Nam
13	Sinh học 11	Chân trời sáng tạo	Tổng Xuân Tám (Chủ biên), Lại Thị Phương Ánh, Trần Hoàng Dương, Phạm Đình Văn	Giáo dục Việt Nam
14	Chuyên đề học tập Sinh học 11	Chân trời sáng tạo	Tổng Xuân Tám (Chủ biên), Lại Thị Phương Ánh, Trần Hoàng Dương, Phạm Đình Văn	Giáo dục Việt Nam
15	Tin học 11	Kết nối tri thức với cuộc sống	Phạm Thế Long (Tổng Chủ biên), Đào Kiến Quốc (Chủ biên), Bùi Việt Hà, Lê Chí Ngọc, Lê Kim Thư	Giáo dục Việt Nam
16	Thiết kế và Công nghệ 11	Kết nối tri thức với cuộc sống	Lê Huy Hoàng (Tổng chủ biên), Đồng Huy Giới (Chủ biên), Nguyễn Thị Ngọc Dinh, Bùi Thị Thu Hương, Bùi Ngọc Tấn	Giáo dục Việt Nam
17	Chuyên đề Công nghệ trồng trọt	Kết nối tri thức với cuộc sống	Lê Huy Hoàng (Tổng chủ biên), Đồng Huy Giới (Chủ biên), Nguyễn Thị Ngọc Dinh, Bùi Thị Thu Hương, Bùi Ngọc Tấn.	Giáo dục Việt Nam
18	Hoạt động trải nghiệm, Hướng nghiệp 11	Kết nối tri thức với cuộc sống	Lưu Thu Thủy (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thanh Bình (Chủ biên), Lê Văn Cầu, Trần Thị Tố Oanh, Trần Thị Thu.	Giáo dục Việt Nam
19	Giáo dục quốc phòng và an ninh 11	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nghiêm Viết Hải (Tổng Chủ biên), Đoàn Chí Kiên (Chủ biên), Ngô Gia Bắc, Hoàng Quốc Huy, Mai Đức Kiên, Hoàng Việt Long, Vũ Văn Ninh, Doãn Văn Nghĩa.	Giáo dục Việt Nam
20	Tiếng Anh 11	Global Success	Hoàng Văn Vân (Tổng chủ biên), Hoàng Thị Xuân Hoa (Chủ biên), Chu Quang Bình, Hoàng Thị Hồng Hải, Kiều Thị Thu Hương, Nguyễn Thị Kim Phượng.	Giáo dục Việt Nam
21	Giáo dục địa phương 11			Sở GDĐT Bình Định

e) Đối với học sinh lớp 12

Số lượng học sinh: 72, được biên chế thành 02 lớp; Tổng số tiết tự chọn 210 tiết

Lớp	Số học sinh	Các môn học tự chọn/ số tiết			Tổng cả năm
		Toán	Văn	Tiếng Anh	
12A1	37	35	35	35	105

12A2	35	35	35	35	105
Tổng	72	70	70	70	210

2. Việc tổ chức dạy và học

Tiếp tục thực hiện Công văn số 1924/SGDDĐT-GDTrH ngày 13/10/2017 về việc hướng dẫn thực hiện Chương trình GDPT hiện hành theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất học sinh từ năm học 2017-2018; Công văn số 1045/SGDDĐT-GDTrH ngày 13/5/2022 về việc triển khai thực hiện chương trình giáo dục trung học năm học 2022-2023 (điều chỉnh theo Thông tư số 13/2022/TT-BGDĐT ngày 03/8/2022).

a) Đối với học sinh lớp 9, 12

Tiếp tục thực hiện dạy học theo hướng dẫn tại Công văn số 1759/SGDDĐT-GDTrH ngày 01/9/2020 về việc hướng dẫn điều chỉnh nội dung dạy học cấp trung học cơ sở, trung học phổ thông. Khi xây dựng kế hoạch dạy học các môn học, lưu ý bổ trợ các nội dung theo CT GDPT 2018 để chuẩn bị cho học sinh lớp 9 học lên lớp 10 theo CT GDPT 2018.

- Về xây dựng kế hoạch giáo dục môn học của tổ chuyên môn, kế hoạch giáo dục của giáo viên, kế hoạch bài dạy (giáo án):

+ Hình thức: Xây dựng theo biểu mẫu được hướng dẫn tại Công văn số 2214/SGDDĐT-GDTrH ngày 03/11/2020 quy định, sử dụng hệ thống hồ sơ quản lý hoạt động giáo dục và đánh giá xếp loại học sinh phổ thông từ năm học 2020-2021 (Phụ lục 1- Kế hoạch giáo dục môn học; Phụ lục 2- Kế hoạch giáo dục của giáo viên; phụ lục 3- Kế hoạch bài dạy).

+ Nội dung: thực hiện hướng dẫn điều chỉnh nội dung dạy học cấp THCS, THPT được quy định tại Công văn số 1759/SGDDĐT-GDTrH ngày 01/9/2020 của Sở Giáo dục và Đào tạo Bình Định về việc hướng dẫn điều chỉnh nội dung dạy học cấp THCS, THPT.

+ Thời gian hoàn thành: Tổ trưởng, nhóm trưởng chuyên môn xây dựng kế hoạch giáo dục môn học, phân phối chương trình và trình Hiệu trưởng phê duyệt trước ngày 05/9/2023.

- Về hồ sơ giáo viên chủ nhiệm: thực hiện theo Phụ lục 5 - Sổ chủ nhiệm lớp được hướng dẫn tại Công văn số 2214/SGDDĐT-GDTrH.

- Về đánh giá xếp loại học sinh: thực hiện theo Thông tư số 26/2020/TT-BGDĐT ngày 26/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Công văn số 1928/SGDDĐT-GDTrH ngày 24/09/2020 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc tổ chức kiểm tra, đánh giá học sinh cấp trung học từ năm học 2020-2021.

- Về hoạt động hướng nghiệp: Đảm bảo mỗi lớp dạy 9 tiết tương ứng với 9 chủ đề/năm học. Hồ sơ bao gồm: Kế hoạch dạy học hướng nghiệp (do nhà trường xây dựng), kế hoạch bài dạy của giáo viên, sổ đầu bài.

- Về hoạt động giáo dục NGLL: Đảm bảo mỗi lớp dạy 18 tiết tương ứng với 9 chủ đề/năm học, mỗi tháng dạy 2 tiết/chủ đề. Hồ sơ bao gồm: Kế hoạch GDNGLL của giáo viên, kế hoạch bài dạy của giáo viên, sổ đầu bài.

- Về dạy học giáo dục phòng chống tham nhũng: Đảm bảo mỗi lớp dạy 2 tiết/ năm học. Hồ sơ bao gồm: Kế hoạch giáo dục phòng chống tham nhũng (do nhà trường xây dựng), thời khóa biểu, kế hoạch bài dạy của giáo viên, sổ đầu bài. Ngoài 2 tiết trên, giáo viên môn GDCD thực hiện việc lồng ghép, tích hợp nội dung phòng, chống tham nhũng vào môn Giáo dục công dân suốt năm học trong quá trình giảng dạy ở các tiết dạy có nội dung phù hợp. Đồng thời tổ chức chương trình ngoại khóa về phòng chống tham nhũng trong học sinh THPT trong tháng 10/2023.

b) Đối với các lớp 6,7, 8, 10, 11

- Đối với môn Khoa học tự nhiên: Trường đã phân công giáo viên dạy học môn học bảo đảm yêu cầu phù hợp với năng lực chuyên môn của giáo viên.

- Đối với Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp: Thực hiện đúng theo Hướng dẫn số 2516/SGDDT-GDTH ngày 24/8/2023 của Sở Giáo dục và đào tạo Bình Định về việc hướng dẫn tổ chức Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cấp trung học trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

- Đối với Nội dung giáo dục của địa phương: Ưu tiên phân công giáo viên đảm nhận các nội dung phù hợp với chuyên môn của giáo viên.

- Đối với việc tổ chức dạy học các môn học lựa chọn và các chuyên đề học tập lựa chọn cấp trung học phổ thông: Đã tổ chức xây dựng các nhóm tổ hợp môn lựa chọn và chuyên đề học tập phù hợp với điều kiện nhà trường và địa phương; tổ chức tư vấn và cho học sinh đăng kí, lựa chọn môn học phù hợp với năng lực, sở trường và định hướng nghề nghiệp của học sinh, đảm bảo công khai, minh bạch.

- Về xây dựng kế hoạch dạy học của tổ chuyên môn, kế hoạch giáo dục của giáo viên, kế hoạch bài dạy:

+ Hình thức: Xây dựng theo biểu mẫu được hướng dẫn tại Công văn số 1045/SGDDT-GDTrH ngày 13/5/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc triển khai thực hiện chương trình giáo dục trung học năm học 2022-2023 (Phụ lục 1- Kế hoạch dạy học môn học; Phụ lục 2- Kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục do Tổ/nhóm chuyên môn xây dựng; Phụ lục 3- Kế hoạch giáo dục của giáo viên do giáo viên xây dựng dựa trên kế hoạch chung của tổ; Phụ lục 4- Kế hoạch bài dạy).

+ Nội dung:

Phụ lục 1: Bao gồm kế hoạch dạy học các môn học (bắt buộc, tự chọn, chuyên đề tự chọn). Nội dung căn cứ vào chương trình tổng thể ở từng bộ môn do Bộ Giáo dục ban hành. Ngoài chương trình tổng thể môn Lịch sử thực hiện

theo Thông tư số 13/2022/TT-BGDĐT ngày 3/8/2022 thì các môn học và hoạt động giáo dục khác thực hiện chương trình tổng thể môn học theo thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018.

Phụ lục 2: Khi xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục, các tổ xây dựng các chủ đề như: tham quan, sinh hoạt tập thể, câu lạc bộ, ngoại khoá... theo quy mô khối.

Thời gian hoàn thành: Tổ trưởng chuyên môn xây dựng kế hoạch giáo dục môn học, phân phối chương trình và trình Hiệu trưởng phê duyệt trước ngày 05/9/2023.

- Về hồ sơ giáo viên chủ nhiệm: thực hiện theo Phụ lục 5- sổ chủ nhiệm lớp được hướng dẫn tại Công văn số 2214/SGDĐT-GDTrH. Đối với GVCN dự kiến phải có kế hoạch bài dạy đối với sinh hoạt dưới cờ và sinh hoạt lớp.

- Về đánh giá xếp loại học sinh: thực hiện theo Thông tư 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 quy định về đánh giá xếp loại học sinh. Riêng môn Ngữ văn thực hiện theo Công văn số 2010//SGDĐT-GDTrH ngày 25/8/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá môn Ngữ văn ở trường phổ thông.

- Về dạy học giáo dục phòng chống tham nhũng: Như khối lớp 12.

c) Thực hiện hiệu quả các phương pháp và hình thức dạy học

Xây dựng kế hoạch bài dạy (*giáo án*) bảo đảm các yêu cầu về phương pháp dạy học, kĩ thuật dạy học, kiểm tra, đánh giá, thiết bị dạy học và học liệu, nhằm phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh trong quá trình dạy học; việc xây dựng kế hoạch bài dạy bảo đảm đủ thời gian để học sinh thực hiện nhiệm vụ học tập đã đặt ra, tránh việc áp dụng hình thức, khuôn mẫu trong việc xây dựng kế hoạch bài dạy. Tiến trình dạy học mỗi chủ đề/bài học được xây dựng thành các hoạt động học với mục tiêu, nội dung, sản phẩm học tập cụ thể mà học sinh phải hoàn thành, cách thức thực hiện linh hoạt để tổ chức dạy học phát huy tính tự học, chủ động, sáng tạo của học sinh. Kế hoạch bài dạy (*giáo án*) soạn theo chủ đề/bài học, không yêu cầu giáo viên soạn theo tiết, dự kiến kế hoạch thời gian các hoạt động hợp lý.

Đối với môn Lịch sử, tăng cường khai thác và sử dụng các nguồn sử liệu khác nhau để tái hiện, phục dựng lịch sử một cách khoa học, khách quan, chân thực; đồng thời gắn với hoạt động thực hành, thực tiễn nhằm phát triển năng lực, phẩm chất cho học sinh trong dạy học Lịch sử. Đối với môn Ngữ văn, thực hiện tốt yêu cầu đổi mới phương pháp dạy học môn Ngữ văn theo hướng dẫn tại Công văn số 2010/SGDĐT-GDTrH ngày 25/8/2022 của Sở GDĐT về việc hướng dẫn đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá môn Ngữ văn ở trường phổ thông.

Khuyến khích tổ chức các hoạt động văn hóa-văn nghệ, thể dục-thể thao trên cơ sở tự nguyện của nhà trường, cha mẹ học sinh và học sinh, phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi và nội dung học tập của học sinh trung học; tăng cường giao lưu, hợp tác nhằm thúc đẩy hứng thú học tập của học sinh, bổ sung

hiểu biết về các giá trị văn hóa truyền thống dân tộc và tinh hoa văn hoá thế giới. Tiếp tục thực hiện tốt việc sử dụng di sản trong dạy học một số môn học, hoạt động giáo dục phù hợp.

Thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số trong hoạt động dạy học và quản lý giáo dục của các cấp theo lộ trình, bao gồm ứng dụng công nghệ thông tin trong việc đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức dạy học, kiểm tra, đánh giá; ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý quá trình dạy học và quản trị nhà trường.

d) Thực hiện hiệu quả các phương pháp và hình thức kiểm tra, đánh giá

Xây dựng kế hoạch bài dạy (*giáo án*) bảo đảm các yêu cầu về phương pháp dạy học, kỹ thuật dạy học, kiểm tra, đánh giá, thiết bị dạy học và học liệu, nhằm phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh trong quá trình dạy học; việc xây dựng kế hoạch bài dạy bảo đảm đủ thời gian để học sinh thực hiện nhiệm vụ học tập đã đặt ra, tránh việc áp dụng hình thức, khuôn mẫu trong việc xây dựng kế hoạch bài dạy. Tiến trình dạy học mỗi chủ đề/bài học được xây dựng thành các hoạt động học với mục tiêu, nội dung, sản phẩm học tập cụ thể mà học sinh phải hoàn thành, cách thức thực hiện linh hoạt để tổ chức dạy học phát huy tính tự học, chủ động, sáng tạo của học sinh. Kế hoạch bài dạy (*giáo án*) soạn theo chủ đề/bài học, không yêu cầu giáo viên soạn theo tiết, dự kiến kế hoạch thời gian các hoạt động hợp lý.

Đối với môn Lịch sử, cần tăng cường khai thác và sử dụng các nguồn sử liệu khác nhau để tái hiện, phục dựng lịch sử một cách khoa học, khách quan, chân thực; đồng thời gắn với hoạt động thực hành, thực tiễn nhằm phát triển năng lực, phẩm chất cho học sinh trong học tập môn Lịch sử. Đối với môn Ngữ văn, cần thực hiện tốt yêu cầu đổi mới phương pháp dạy học môn Ngữ văn theo hướng dẫn tại Công văn số 2010/SGDDĐT-GDTrH ngày 25/8/2022 của Sở GDĐT về việc hướng dẫn đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá môn Ngữ văn ở trường phổ thông.

Thực hiện việc đánh giá học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông theo quy định tại Công văn số 2391/SGDDĐT-GDTrH ngày 11/10/2022 về việc tổ chức kiểm tra, đánh giá học sinh THCS, THPT từ năm học 2022-2023 và hướng dẫn tập huấn tại Công văn số 1832/SGDDĐT-GDTrH ngày 21/7/2023 của Sở GDĐT về việc tập huấn về kiểm tra, đánh giá theo Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT (đối với cấp THPT); xây dựng kế hoạch kiểm tra, đánh giá phù hợp với kế hoạch dạy học; không kiểm tra, đánh giá vượt quá yêu cầu cần đạt hoặc mức độ cần đạt của chương trình giáo dục phổ thông; đối với CT GDPT 2006, không kiểm tra, đánh giá đối với các nội dung tinh giản theo hướng dẫn của Sở GDĐT.

Việc đổi mới phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá các môn học phải bảo đảm yêu cầu về tính trung thực, khách quan, công bằng, đánh giá chính xác kết quả học tập và rèn luyện của học sinh. Đối với môn Ngữ văn, tiếp tục thực

hiện kiểm tra, đánh giá theo Công văn số 2010/SGDĐT-GDTrH ngày 25/8/2022 của Sở GDĐT đối với khối lớp 6, lớp 7, lớp 8, lớp 10 và lớp 11; khuyến khích các nhà trường vận dụng kiểm tra, đánh giá theo Công văn này đối với khối lớp 9, lớp 12. Đối với môn Lịch sử, tăng cường các câu hỏi nhằm khai thác, sử dụng các nguồn sử liệu, tranh ảnh, lược đồ; câu hỏi mở tạo điều kiện cho học sinh tự biểu đạt chính kiến của mình về các vấn đề lịch sử, hướng tới đánh giá phẩm chất và năng lực học sinh, khắc phục tình trạng ghi nhớ sự kiện, ngày tháng, địa điểm, số liệu... một cách máy móc.

Việc kiểm tra, đánh giá cụm chuyên đề học tập lựa chọn của cấp Trung học phổ thông được thực hiện theo khoản 3, Điều 6 tại Thông tư 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 7 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT; kết quả kiểm tra, đánh giá được ghi nhận vào *Sổ theo dõi và đánh giá học sinh* thuộc học kì khi kết thúc dạy học cụm chuyên đề học tập.

e) Nâng cao chất lượng giáo dục hướng nghiệp, định hướng phân luồng

Tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục hướng nghiệp trong các cơ sở giáo dục trung học, trong đó tập trung đổi mới nội dung, phương pháp, hình thức giáo dục hướng nghiệp; phát triển đội ngũ giáo viên kiêm nhiệm làm nhiệm vụ tư vấn, hướng nghiệp; huy động nguồn lực xã hội tham gia giáo dục hướng nghiệp; tổ chức khảo sát nhu cầu học tập các môn học lựa chọn, cụm chuyên đề học tập của học sinh lớp 9 để chủ động chuẩn bị cho học sinh vào học lớp 10; tăng cường tư vấn hướng nghiệp theo định hướng nghề nghiệp cấp trung học phổ thông. Tiếp tục đẩy mạnh triển khai thực hiện giáo dục STEM trong trường trung học bảo đảm chất lượng, hiệu quả theo hướng dẫn tại Công văn số 1732/SGDĐT-GDTrH ngày 28/8/2020 của Sở GDĐT về việc thực hiện giáo dục STEM trong giáo dục trung học.

Định hướng hiệu quả việc phân luồng học sinh sau trung học cơ sở và sau trung học phổ thông theo học các chương trình giáo dục, đào tạo phù hợp với năng lực, sở trường, nguyện vọng của học sinh; tạo môi trường hỗ trợ khởi nghiệp trong trường trung học; tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức, trang bị kiến thức, kỹ năng về lựa chọn nghề nghiệp, khởi nghiệp nhằm thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp, lập nghiệp của học sinh trung học.

3. Tổ chức dạy thêm, học thêm

a) Mục đích, yêu cầu

Thực hiện đúng quy định trong công tác tổ chức dạy thêm, học thêm trong nhà trường theo Công văn số 798/SGDĐT-GDTrH ngày 06/5/2020 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện tổ chức và quản lý dạy thêm, học thêm trong nhà trường.

Tăng cường công tác quản lý của nhà trường đối với hoạt động dạy thêm, học thêm. Tạo điều kiện thuận lợi cho học sinh được tự nguyện tham gia học

tập, bồi dưỡng nâng cao kiến thức, phát triển năng lực. Trên cơ sở đó tiếp cận với các kiến thức chuyên sâu, nhằm nâng cao chất lượng dạy và học.

b) Tổ chức dạy thêm, học thêm trong nhà trường

Học sinh có nguyện vọng học thêm phải viết đơn xin học thêm gửi nhà trường; cha mẹ học sinh hoặc người giám hộ có con em xin học thêm trực tiếp ký, ghi cam kết với nhà trường về dạy thêm, học thêm vào đơn xin học thêm và chịu trách nhiệm thực hiện cam kết.

Hiệu trưởng nhà trường tiếp nhận đơn xin học thêm của học sinh, tổ chức phân lớp học sinh theo học lực, phân công giáo viên phụ trách môn học và tổ chức dạy thêm theo lớp học lực của học sinh.

Giáo viên có nguyện vọng dạy thêm phải có đơn đăng ký dạy thêm; trong đơn có cam kết với nhà trường về việc hoàn thành tốt tất cả các nhiệm vụ của giáo viên theo quy định chung và các nhiệm vụ khác do nhà trường phân công, đồng thời thực hiện nghiêm túc các quy định về dạy thêm, học thêm trong nhà trường.

Hiệu trưởng nhà trường xét duyệt danh sách giáo viên dạy thêm, phân công giáo viên dạy thêm, xếp thời khóa biểu dạy thêm phù hợp với học lực của học sinh.

c) Đối tượng dạy thêm

Căn cứ vào đơn đăng ký nguyện vọng học thêm các bộ môn Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh, Vật lý, Hóa học, Sinh học, Lịch sử, Địa lý, GDCD.

d) Đội ngũ giáo viên

Đội ngũ giáo viên đăng ký tham gia dạy thêm có đủ trình độ, năng lực chuyên môn theo quy định, có nguyện vọng và lòng nhiệt tình, trách nhiệm khi tham gia dạy thêm trong nhà trường.

Giáo viên có nguyện vọng dạy thêm phải có đơn đăng ký dạy thêm; trong đơn có cam kết với nhà trường về việc hoàn thành tốt tất cả các nhiệm vụ của giáo viên theo quy định chung và các nhiệm vụ khác do nhà trường phân công, đồng thời thực hiện nghiêm túc các quy định về dạy thêm, học thêm trong nhà trường.

e) Nội dung dạy thêm

- Các tổ/ nhóm chuyên môn thống nhất nội dung dạy thêm. Tập trung bồi dưỡng, củng cố các kiến thức môn học cho học sinh, tăng cường rèn luyện kỹ năng làm bài, trình bày bài, hướng dẫn học sinh tự học. Các nội dung được Hiệu trưởng phê duyệt và trước khi thực hiện.

- Tổ chức dạy học theo chuyên đề, chủ đề, chủ điểm, theo từng dạng bài phù hợp đối tượng học sinh.

f) Mức thu và chi tiền học thêm

Mức thu theo Quyết định số 49/2022/QĐ-UBND ngày 10 tháng 8 năm 2022 của UBND tỉnh Bình Định quy định mức thu các khoản dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí đáp ứng nhu cầu người học đối với các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Bình Định và có sự thỏa thuận mức thu với Ban Đại diện cha mẹ học sinh.

Mức chi theo quy định hiện hành và được thống nhất trong Hội nghị viên chức và người lao động đầu năm học.

g) Thời gian dạy thêm: 03 buổi chiều trong tuần, mỗi buổi không quá 4 tiết. Vào lớp từ 13 giờ 30 phút đến 16 giờ 45 phút.

Nhà trường không tổ chức dạy thêm, học thêm vào các tháng 6, 9 hàng năm (trừ việc ôn tập thi tốt nghiệp THPT đối với lớp 12); các ngày nghỉ Lễ, Tết do Nhà nước quy định.

4. Hoạt động trải nghiệm

a) Tổ chức hoạt động trải nghiệm thực tế lịch sử địa phương

Tổ chức thực hiện: Giáo viên môn Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý, GDCD, Âm nhạc, Đoàn-Đội,... đề xuất kế hoạch chi tiết, phân công nhiệm vụ, xây dựng chương trình trải nghiệm, trình Hiệu trưởng phê duyệt, triển khai thực hiện.

b) Tìm hiểu tiềm năng các ngành dịch vụ của địa phương qua hoạt động trải nghiệm thực tế

Tổ chức thực hiện: Đoàn-Đội đề xuất kế hoạch chi tiết, phân công nhiệm vụ, dự án hoạt động trải nghiệm, thâm nhập thực tế tại các làng trình Hiệu trưởng phê duyệt.

5. Hoạt động hướng nghiệp

a) Mục tiêu

Tích cực đổi mới nội dung, phương thức tổ chức hoạt động giáo dục hướng nghiệp, đẩy mạnh phân luồng học sinh sau tốt nghiệp trung học phổ thông. Nâng cao chất lượng công tác phân luồng, hướng nghiệp.

b) Giải pháp thực hiện

Giáo dục học sinh ý thức giữ vệ sinh trường lớp, khu vực xung quanh trường. Thường xuyên, thực hiện phong trào “sạch trường, đẹp lớp” gắn với nếp sống văn minh. Bố trí lao động thường xuyên, lao động đột xuất khoa học, hiệu quả; giáo viên chủ nhiệm phải tham gia quản lý học sinh, thông qua hoạt động này nhằm giáo dục tình yêu lao động cho các em.

Thực hiện đầy đủ nội dung của hoạt động giáo dục hướng nghiệp; tích cực tìm hiểu về thị trường lao động, thực hiện tốt hoạt động định hướng, phân luồng sau khi tốt nghiệp, định hướng các em lựa chọn học các ngành, nghề phù hợp, để có việc làm.

Ngay từ đầu năm học, từ đầu cấp học, ban tư vấn hướng nghiệp phải tổ chức rà soát nguyện vọng của học sinh thuộc các đối tượng: học sinh có nguyện vọng đầu vào các trường Đại học, học sinh đi học nghề, học sinh đi xuất khẩu lao động,... để tập trung phân luồng, đầu tư dạy học và tư vấn hướng nghiệp cho học sinh.

c) Dự kiến kết quả đạt được

- Thực hiện dạy và học hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp theo chủ đề 35 tiết/năm học/khối lớp.

- Phối hợp tổ chức ít nhất tư vấn tuyển sinh cho học sinh lớp 12, thường xuyên tư vấn hướng nghiệp cho học sinh.

- Trường đạt tiêu chuẩn “Xanh - Sạch - Đẹp”.

6. Hoạt động ngoại khóa

a) Vui hội Trăng rằm

Thời gian: Tháng 9/2023

Đối tượng: Học sinh khối THCS

Địa điểm: Nhà đa năng Trường PTDTNT THCS&THPT Vĩnh Thạnh

Nội dung và hình thức: Tổ chức hội thi, sân khấu hóa

Kinh phí dự trù khoản: 5.000.000 đồng

Tổ chức thực hiện: Giao cho Tổng phụ trách Đội xây dựng kế hoạch chi tiết, phân công nhiệm vụ và chương trình ngoại khóa trình Hiệu trưởng phê duyệt.

Đoàn trường, Liên đội và các tổ chức liên quan phối hợp triển khai thực hiện tốt kế hoạch.

b) Giải Bóng chuyền học sinh

Thời gian: Tháng 10/2023

Địa điểm: Sân bóng chuyền Trường PTDTNT THCS&THPT Vĩnh Thạnh

Đối tượng: Học sinh khối THCS và học sinh khối THPT

Nội dung: Thi đấu bóng chuyền nam (6-6), bóng chuyền nữ (6-6)

Hình thức: Chia bảng thi đấu theo lứa tuổi, giới tính.

Điều kiện đảm bảo: Liên đội, Đoàn trường, phụ trách TDTT chuẩn bị cơ sở vật chất, điều kiện để tổ chức,...

Kinh phí dự trù khoản: 10.000.000 đồng.

Tổ chức thực hiện: Đoàn trường, Liên đội phối hợp phụ trách TDTT xây dựng Điều lệ thi đấu, kế hoạch tổ chức trình Hiệu trưởng phê duyệt.

c) Cuộc thi sáng tạo Video “Thầy cô trong trái tim em”

Thời gian: Tháng 10/2023

Địa điểm: Trường PTDTNT THCS&THPT Vĩnh Thạnh

Đối tượng: Học sinh khối THCS và THPT

Nội dung và hình thức: Tổ chức thu thập hình ảnh, tư liệu và xây dựng video gửi tham gia dự thi.

Điều kiện đảm bảo: Liên đội, Đoàn trường, GVCN cố vấn, hướng dẫn, giúp đỡ học sinh hoàn thành sản phẩm dự thi.

Kinh phí dự trù khoản: 5.000.000 đồng.

Tổ chức thực hiện: Đoàn trường, Liên đội xây dựng kế hoạch chi tiết, thể lệ Cuộc thi trình Hiệu trưởng phê duyệt.

Đoàn trường, Liên đội và các tổ chức liên quan phối hợp triển khai thực hiện tốt kế hoạch.

d) Ngoại khóa phòng chống tham nhũng

Thời gian: Tháng 11/2023

Đối tượng: Học sinh khối lớp 10,11

Địa điểm: Nhà đa năng Trường PTDTNT THCS&THPT Vĩnh Thạnh

Nội dung và hình thức: Tổ chức hội thi, sân khấu hóa dưới dạng tiểu phẩm, hoạt cảnh phòng chống tham nhũng

Kinh phí: Từ nguồn kinh phí không tự chủ do cấp trên cấp trong dự toán.

Tổ chức thực hiện: Giao cho tổ Văn-Sử-GDCD xây dựng kế hoạch chi tiết, phân công nhiệm vụ và chương trình ngoại khóa trình Hiệu trưởng phê duyệt.

Đoàn trường và các tổ chức liên quan phối hợp triển khai thực hiện tốt kế hoạch.

đ) Hội thao Quốc phòng An ninh trong học sinh

Thời gian: Tháng 12/2023

Địa điểm: Sân trường Trường PTDTNT THCS&THPT Vĩnh Thạnh

Đối tượng: Học sinh khối THPT

Nội dung và hình thức: Tổ chức thi thực hành tháo lắp súng, điều lệnh, ném lựu đạn trúng đích....

Điều kiện đảm bảo: phụ trách QPAN, Tổ chuyên môn, phụ trách thiết bị chuẩn bị cơ sở vật chất, điều kiện để tổ chức,...

Kinh phí dự trù khoản: 10.000.000 đồng.

Tổ chức thực hiện: Bộ phận phụ trách GDQPAN phối hợp tổ chuyên môn

xây dựng kế hoạch chi tiết, phân công nhiệm vụ và chương trình Hội thao trình Hiệu trưởng phê duyệt.

Phối hợp Ban chỉ huy Quân sự huyện Vĩnh Thạnh, giáo viên thỉnh giảng triển khai thực hiện tốt kế hoạch.

e) Ngày hội trải nghiệm, hướng nghiệp, khởi nghiệp trong học sinh

Thời gian: Tháng 01/2024

Địa điểm: Nhà đa năng Trường PTDTNT THCS&THPT Vĩnh Thạnh

Đối tượng: Học sinh khối THCS và THPT

Nội dung và hình thức: Tổ chức trưng bày, báo cáo các sản phẩm khởi nghiệp.

Điều kiện đảm bảo: Đoàn trường, Liên đội, Tổ chuyên môn chuẩn bị cơ sở vật chất, điều kiện để tổ chức,...

Kinh phí dự trù khoản: 5.000.000 đồng.

Tổ chức thực hiện: Đoàn trường, Liên đội phối hợp tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch chi tiết, phân công nhiệm vụ và chương trình Hội thao trình Hiệu trưởng phê duyệt.

Đoàn trường, Liên đội và các tổ chức liên quan phối hợp triển khai thực hiện tốt kế hoạch.

f) Diễn đàn “Xây dựng tình bạn đẹp - Phòng, chống bạo lực học đường, xâm hại trẻ em và tai nạn thương tích cho học sinh”

Thời gian: Tháng 01/2024

Đối tượng: Học sinh khối lớp THCS và khối lớp THPT

Địa điểm: Nhà đa năng Trường PTDTNT THCS&THPT Vĩnh Thạnh

Nội dung và hình thức: Tổ chức hội thi, sân khấu hóa dưới dạng tiểu phẩm, hoạt cảnh Xây dựng tình bạn đẹp - Phòng, chống bạo lực học đường, xâm hại trẻ em và tai nạn thương tích cho học sinh.

Điều kiện đảm bảo: Thực hiện tốt tuyên truyền, vận động học sinh tham gia cuộc thi, sự tham gia cố vấn của Hội đồng giáo viên chủ nhiệm.

Kinh phí dự trù khoản: 10.000.000 đồng.

Tổ chức thực hiện: Giao cho Đoàn trường, Liên đội xây dựng kế hoạch chi tiết, phân công nhiệm vụ và chương trình Hội thi trình Hiệu trưởng phê duyệt.

Đoàn trường, Liên đội và các tổ chức liên quan phối hợp triển khai thực hiện tốt kế hoạch.

g) Giải Bóng đá học sinh

Thời gian: Tháng 01/2024

Địa điểm: Sân bóng đá Trường PTDTNT THCS&THPT Vĩnh Thạnh

Đối tượng: Học sinh khối THCS và học sinh khối THPT

Nội dung: Thi đấu bóng đá nam (5 người)

Hình thức: Chia bảng thi đấu theo lứa tuổi.

Điều kiện đảm bảo: Liên đội, Đoàn trường, phụ trách TDTT chuẩn bị cơ sở vật chất, điều kiện để tổ chức,...

Kinh phí dự trù khoản: 10.000.000 đồng.

Tổ chức thực hiện: Đoàn trường, Liên đội phối hợp phụ trách TDTT xây dựng Điều lệ thi đấu, kế hoạch tổ chức trình Hiệu trưởng phê duyệt.

h) Ngày hội Văn hóa Thể thao dân tộc thiểu số

Thời gian: Tháng 3/2024

Đối tượng: Học sinh toàn trường.

Địa điểm: Sân khấu Trường PTDTNT THCS&THPT Vĩnh Thạnh

Nội dung và hình thức: Tổ chức thi đan lát, dệt thổ cẩm, các môn thể thao dân tộc, công chiêng, múa xoang, sân khấu hóa.

Điều kiện đảm bảo: Thực hiện tốt tuyên truyền, vận động học sinh tham gia cuộc thi, sự tham gia cố vấn của Hội đồng giáo viên chủ nhiệm. Có sự phối hợp của nghệ nhân địa phương.

Kinh phí dự trù khoảng khoản: 15.000.000 đồng.

Tổ chức thực hiện: Giao cho Đoàn trường, Liên đội phối hợp với CLB VHDT nhà trường xây dựng kế hoạch chi tiết, phân công nhiệm vụ và chương trình Ngày hội trình Hiệu trưởng phê duyệt. Tham mưu thành lập Ban tổ chức, Ban giám khảo, các đội thi.

- Phối hợp với nghệ nhân, Ban đại diện cha mẹ học sinh thực hiện tốt kế hoạch.

i) Cuộc thi “Tuổi trẻ học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” trong học sinh

Thời gian: Tháng 4/2024

Đối tượng: Học sinh toàn trường.

Địa điểm: Nhà đa năng Trường PTDTNT THCS&THPT Vĩnh Thạnh

Nội dung và hình thức: Tổ chức thi kể chuyện về Bác, hát hoặc ngâm thơ về Bác... dưới hình thức sân khấu hóa.

Điều kiện đảm bảo: Thực hiện tốt tuyên truyền, vận động học sinh tham gia cuộc thi, sự tham gia cố vấn của Hội đồng giáo viên chủ nhiệm.

Kinh phí dự trù khoản: 5.000.000 đồng.

Tổ chức thực hiện: Giao cho bộ phận Thư viện phối hợp Đoàn trường, Liên đội xây dựng kế hoạch chi tiết, phân công nhiệm vụ và chương trình Cuộc thi trình Hiệu trưởng phê duyệt.

7. Hoạt động giáo dục thể chất, y tế học đường

a) Mục tiêu

Xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường; chú trọng giáo dục kỹ năng sống và ý thức chấp hành pháp luật cho học sinh.

b) Giải pháp thực hiện

Chú trọng hướng dẫn học sinh ôn luyện bài thể dục buổi sáng, bài thể dục giữa giờ và bài thể dục chống mệt mỏi theo quy định. Duy trì nền nếp thực hiện các bài thể dục nói trên vận dụng vào tập luyện thường xuyên trong suốt năm học; tập luyện và thi đấu các môn thể thao trong chương trình Hội khỏe Phù Đổng nhằm tăng cường sức khỏe, phát triển thể lực toàn diện, trang bị kiến thức, kỹ năng vận động cơ bản và hình thành cho học sinh thói quen tập luyện thể dục, thể thao thường xuyên, tuyển chọn lực lượng vận động viên học sinh tham gia Hội khỏe Phù Đổng các cấp.

Tổ chức các hoạt động TDTT cấp trường (Giải Bóng đá, Bóng chuyền, thể thao dân tộc thiểu số), phát hiện và bồi dưỡng học sinh giỏi thể dục thể thao quan tâm đến tính hiệu quả và kế thừa; giáo viên thể dục thể thao có kế hoạch thành lập và huấn luyện đội tuyển tham gia Hội khỏe Phù Đổng, các giải thể thao các cấp và đạt kết quả cao.

Thực hiện tốt việc tích hợp giáo dục vệ sinh an toàn thực phẩm, vệ sinh cá nhân vào các môn học phù hợp. Tổ chức duy trì nền nếp vệ sinh buổi sáng, thể dục giữa giờ để tạo môi trường học tập gần gũi, thân thiện đối với học sinh.

Xây dựng bếp ăn tập thể đảm bảo theo quy định an toàn vệ sinh thực phẩm, đảm bảo dinh dưỡng cho học sinh.

Xây dựng, cải tạo cảnh quan đạt tiêu chuẩn sáng, xanh, sạch, an toàn; xây dựng môi trường lành mạnh thực sự để thu hút học sinh đến trường.

Các tổ chức, đoàn thể thường xuyên phối hợp theo dõi, nhắc nhở thực hiện tốt việc giữ gìn “sạch trường, đẹp lớp” “Phòng ở sạch đẹp, kiểu mẫu”; làm tốt công tác tuyên truyền phòng tránh các loại bệnh học đường. Xây dựng quy trình phân loại rác trong nhà trường, củng cố công trình tiêu hủy rác.

Phối hợp với Trung tâm Y tế dự phòng, bệnh viện huyện tổ chức khám sức khỏe cho học sinh, tiến hành lập sổ y bạ theo dõi sức khỏe cho các em theo đúng quy định; tổ chức các câu lạc bộ Sức khỏe. Quản lý trang thiết bị phòng y tế, không để học sinh sử dụng không đúng mục đích.

c) Dự kiến kết quả đạt được

- 100% HS tham gia Bảo hiểm y tế.
- Hằng tháng đều tổ chức ra quân tổng dọn vệ sinh khuôn viên nhà trường và chăm sóc Nghĩa trang Liệt sỹ xã Vĩnh Hảo.
- Có học sinh đạt giải điền kinh, TDTT cấp huyện, cấp tỉnh.

8. Hoạt động Giáo dục Quốc phòng An ninh; An ninh trật tự, an toàn giao thông, ngăn ngừa tệ nạn xã hội, phòng chống cháy nổ

a) Mục tiêu: Thực hiện tốt kế hoạch GDQPAN; tham gia đầy đủ các hoạt động tập thể, tuyên truyền, ký cam kết về an toàn giao thông và các tệ nạn xã hội.

b) Giải pháp thực hiện

Thực hiện đầy đủ kế hoạch GDQPAN theo quy định, tổ chức dạy đúng, đủ chương trình, xây dựng kế hoạch dạy học tập trung phần thực hành nghiêm túc; tham gia đầy đủ các lớp Bồi dưỡng kiến thức QPAN cho các đối tượng.

Phối hợp Ban Chỉ huy Quân sự huyện Vĩnh Thạnh tổ chức Hội thao Quốc phòng An ninh trong học sinh cấp trường.

Tuyên truyền ý thức chấp hành luật giao thông đường bộ, kết hợp với tổ chức Đoàn các cấp, Công an tổ chức sinh hoạt chuyên đề an toàn giao thông, phòng chống các tệ nạn xã hội, ma túy, bạo lực học đường.

Thường xuyên theo dõi, kiểm tra việc chấp hành điều lệ, nội quy của nhà trường, kịp thời phát hiện những học sinh có những biểu hiện sai lệch để kịp thời điều chỉnh. Xử lý nghiêm những học sinh vi phạm kỷ luật.

Tổ chức các hoạt động vui chơi lành mạnh xây dựng môi trường thân thiện. Phối hợp với Công an huyện Vĩnh Thạnh, công an xã Vĩnh Hảo trong công tác giữ gìn trật tự xung quanh trường. Nâng cao vai trò của Đội “Tự phòng, tự quản, tự bảo vệ”, Ban quản lý HS DTNT, Ban đại diện CMHS để quản lý học sinh.

Thực hiện tốt tuyên truyền phòng chống cháy nổ, thường xuyên kiểm tra công tác PCCC trong nhà trường. Phân công trực cơ quan vào các ngày lễ, Tết, phần đầu không xảy ra những trường hợp mất trật tự an toàn trong đơn vị.

100% giáo viên và học sinh ký cam kết và thực hiện tốt ATGT, nội quy nhà trường; không để xảy ra cháy nổ trong đơn vị; không bị lôi kéo vào các tệ nạn xã hội; ngăn chặn kịp thời các tệ nạn, bạo lực xâm nhập học đường.

c) Dự kiến kết quả đạt được

Không có học sinh: vi phạm pháp luật, vi phạm tệ nạn xã hội, bị đuổi nước, bị tai nạn giao thông, vi phạm bạo lực học đường;

100% giáo viên và học sinh ký cam kết và thực hiện tốt ATGT, nội quy

nhà trường.

9. Tham gia, tổ chức các kỳ thi, cuộc thi

a) Đối với học sinh

- Tổ chức Cuộc thi Khoa học kỹ thuật dành cho học sinh trung học cấp Trường, lựa chọn các dự án đạt giải cao tham gia Cuộc thi khoa học kỹ thuật dành cho học sinh trung học cấp Tỉnh (nếu Bộ GDĐT và Sở GDĐT tổ chức).

- Tổ chức lựa chọn học sinh tham gia thi học sinh giỏi cấp Tỉnh (nếu có).

- Tổ chức Giải thể thao cấp trường

Thời gian: từ tháng 10/2023 đến 02/2024

Địa điểm: Trường PTDTNT THCS&THPT Vĩnh Thạnh

Nội dung: Các môn thể thao

Hình thức: Thi đấu đối kháng và thi đấu đồng đội

Điều kiện đảm bảo:

+ Thành lập BTC, tổ trọng tài Giải thể thao cấp trường.

+ Chuẩn bị cơ sở vật chất, dụng cụ sân bãi đảm bảo.

+ Kinh phí dự trù khoản khoản: 20.000.000 đồng

Tổ chức thực hiện: Lãnh đạo chỉ đạo Ban cơ sở vật chất đảm bảo về điều kiện thực hiện; Hội đồng Thi đua, khen thưởng thực hiện đúng chế độ theo quy định ở Quy chế chi tiêu nội bộ và các quy định khác.

Đoàn trường, Liên đội phối hợp nhóm bộ môn Giáo dục thể chất xây dựng kế hoạch chi tiết, phân công nhiệm vụ các thành viên, tham mưu thành lập Ban tổ chức, tổ trọng tài trình Hiệu trưởng phê duyệt.

b) Đối với giáo viên

- Hướng dẫn học sinh tham gia thi KHKT cấp tỉnh (nếu có); bồi dưỡng học sinh giỏi chuẩn bị tham gia thi chọn học sinh giỏi lớp 12 và lớp 11 cấp tỉnh.

- Chuẩn bị điều kiện để tham gia Hội thi giáo viên Chủ nhiệm lớp giỏi cấp Tỉnh bậc THPT.

- Tổ chức thi viết sáng kiến cấp trường, tham gia các cuộc thi, hội thi do các cấp tổ chức.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Công tác quản lý, chỉ đạo

Lãnh đạo nhà trường chịu trách nhiệm điều hành, phân công nhiệm vụ cho mỗi cá nhân, tổ chức, xây dựng đầy đủ, chi tiết các kế hoạch tác nghiệp để điều hành và thực hiện nhiệm vụ. Định kỳ, hàng tháng có tổng kết, báo cáo, rút kinh nghiệm trong thực hiện nhiệm vụ trước Chi bộ và trước Hội đồng nhà trường.

Lãnh đạo nhà trường gương mẫu đi đầu trong công tác đổi mới phương

pháp dạy học và kiểm tra đánh giá. Hiệu trưởng nâng cao nhận thức về đổi mới cho toàn thể cán bộ, giáo viên và học sinh nhà trường; xây dựng kế hoạch đổi mới phù hợp với điều kiện thực tế nhà trường; có các giải pháp đồng bộ và quyết liệt để tổ chức thực hiện kế hoạch đổi mới, phân công nhiệm vụ cụ thể cho cán bộ, giáo viên. Tổ chức kiểm tra, ghi nhận kết quả và biểu dương kịp thời những nhân tố tích cực trong quá trình thực hiện. Trao đổi kinh nghiệm công tác giữa các trường trong tỉnh.

Tăng cường chỉ đạo chặt chẽ, nghiêm túc và đổi mới công tác thi, kiểm tra; tổ chức kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ, học kỳ và các kỳ thi một cách nghiêm túc; đánh giá khách quan, công bằng kết quả học tập của học sinh. Đổi mới việc kiểm tra đánh giá môn học/hoạt động giáo dục theo hướng nêu vấn đề mở, đòi hỏi học sinh phải vận dụng tổng hợp kiến thức, kỹ năng và biểu đạt chính kiến của bản thân. Đổi mới hình thức kiểm tra theo hướng chấm các dự án nghiên cứu, bài viết, sản phẩm của học sinh.....

Phối hợp với Công đoàn, Đoàn trường và các tổ chức khác để thực hiện tốt công tác dân vận, tuyên truyền để toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên nắm bắt đầy đủ quan điểm, nội dung chương trình hành động để tạo sự đồng thuận trong đơn vị trong thực hiện nhiệm vụ.

Tổ chuyên môn: Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch tác nghiệp của tổ chuyên môn; hướng dẫn giáo viên thực hiện. Thường xuyên thực hiện công tác kiểm tra, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của giáo viên. Thực hiện kịp thời chế độ báo cáo với Hiệu trưởng về việc thực hiện nhiệm vụ của tổ, của giáo viên.

2. Trách nhiệm của giáo viên, nhân viên

Giáo viên phải thay đổi, đổi mới phong cách làm việc, nhiệt tình, trách nhiệm, tâm huyết với nghề, phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo trong thiết kế bài giảng và xây dựng các chủ đề, dự án dạy học; sử dụng linh hoạt, nhuần nhuyễn và hiệu quả các phương pháp dạy học. Tập trung dạy cách học, cách tư duy, khuyến khích tự học, tạo cơ sở để người học tự cập nhật và đổi mới tri thức, kỹ năng và phát triển năng lực. Đa dạng hóa các hình thức học tập. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy và học. Tổ chức các hoạt động ngoại khóa và sân chơi trí tuệ cho học sinh. Học sinh được tích cực, chủ động trong việc lĩnh hội và tiếp thu tri thức; tích cực làm việc với sách giáo khoa và các tài liệu tham khảo, tự học theo hướng dẫn của giáo viên; tự đánh giá nhận thức của bản thân và bè bạn, trung thực trong học tập...

Chú trọng ứng dụng công nghệ thông tin trong tổ chức dạy học; tăng cường sử dụng các mô hình học kết hợp giữa lớp học truyền thống với các lớp học trực tuyến nhằm tiết kiệm thời gian và chi phí cũng như tăng cường sự công bằng trong việc tiếp cận các dịch vụ giáo dục chất lượng cao...

3. Công tác kiểm tra

Chú trọng công tác kiểm tra nội bộ thường xuyên nhằm xem xét, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của viên chức và các bộ phận trong nhà trường,



PHỤ LỤC 1: BẢNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH LỚP 6, NĂM HỌC 2023-2024
HỌC KÌ 1

Môn/Tuần (T)		T 1	T 2	T 3	T 4	T 5	T 6	T 7	T 8	T 9	T 10	T 11	T 12	T 13	T 14	T 15	T 16	T 17	T 18	T 19	Tổng thời lượng/ môn	
MÔN HỌC BẮT BUỘC	Toán	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	0	72	
	Tin học	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	18
	Vật lý																				0	0
	KHTN (Hóa học)	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	0	72
	Sinh																				0	0
	Công nghệ	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	18
	Ngữ văn	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	0	72
	L.Sử&D.Lí (Sử)	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	0	54
	GDCD	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	18
	Địa lý																				0	0
	Ngoại ngữ	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	0	54
	Thể dục	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	0	36
	Nhạc	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	18
	Mỹ thuật	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	18
	GD ĐP	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	18
HD TN-HN	SHDC	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	18	
	Chủ đề	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	18	
	SHL	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	18	
Môn học tự chọn	Tiếng dân tộc thiểu số	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Ngoại ngữ 2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Tổng số tiết/ Tuần (kể cả tự chọn)		29	29	29	29	29	29	29	29	29	29	29	29	29	29	29	29	29	29	0	522	

HỌC KÌ 2

Môn/Tuần (T)		T 19	T 20	T 21	T 22	T 23	T 24	T 25	T 26	T 27	T 28	T 29	T 30	T 31	T 32	T 33	T 34	T 35	T 36	T 37	Tổng thời lượng/ môn	
MÔN HỌC BẮT BUỘC	Toán	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	0	0	68	
	Tin học	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	0	17	
	KHTN (Lý)	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	0	0	68	
	Hóa học																		0	0	0	
	Sinh																		0	0	0	
	Công nghệ	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	0	17	
	Ngữ văn	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	0	0	68	
	L.Sử&Đ.Lí (Sử)	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	0	0	51	
	GDCD	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	0	17	
	Địa lý																		0	0	0	
	Ngoại ngữ	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	0	0	51	
	Thể dục	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	0	0	34	
	Nhạc	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	0	17	
	Mỹ thuật	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	0	17	
	GD ĐP	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	0	17	
	HD TN-HN	SHDC	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	0	17
		Chủ đề	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	0	17
SHL		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	0	17	
Môn học tự chọn	Tiếng dân tộc thiểu số	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
	Ngoại ngữ 2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
Tổng số tiết/ Tuần (kể cả tự chọn)		29	29	29	29	29	29	29	29	29	29	29	29	29	29	29	29	29	0	0	493	



PHỤ LỤC 2 : BẢNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH LỚP 7, NĂM HỌC 2023-2024

HỌC KÌ I

Môn/Tuần (T)		T 1	T 2	T 3	T 4	T 5	T 6	T 7	T 8	T 9	T 10	T 11	T 12	T 13	T 14	T 15	T 16	T 17	T 18	T 19	Tổng thời lượng/ môn	
MÔN HỌC BẮT BUỘC	Toán	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	0	72	
	Tin học	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	18
	Vật lý																				0	0
	KHTN (Sinh)	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	0	72
	Hóa																				0	0
	Công nghệ	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	18
	Ngữ văn	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	0	72
	L.Sử&Đ.Lí (Địa)	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	0	54
	GDCD	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	18
	L.Sử																				0	0
	Ngoại ngữ	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	0	54
	Thể dục	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	0	36
	Nhạc	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	18
	Mỹ thuật	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	18
	GDĐP	0	0	0	0	0	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	2	2	2	3	0	18
	HD TN- HN	SHDC	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	18
		Chủ đề	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	18
SHL		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	18	
Môn học tự chọn	Tiếng dân tộc thiểu số	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Ngoại ngữ 2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Tổng số tiết/ Tuần (kể cả tự chọn)		28	28	28	28	28	29	29	29	29	29	29	29	29	29	30	30	30	31	0	522	

HỌC KÌ 2

Môn/Tuần (T)		T 19	T 20	T 21	T 22	T 23	T 24	T 25	T 26	T 27	T 28	T 29	T 30	T 31	T 32	T 33	T 34	T 35	T 36	T 37	Tổng thời lượng/ môn		
MÔN HỌC BẮT BUỘC	Toán	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	0	0	68		
	Tin học	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	0	17	
	KHTN (Sinh)	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	0	0	68	
	Hóa học																			0	0	0	
	Vật lý																			0	0	0	
	Công nghệ	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	0	17	
	Ngữ văn	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	0	0	68	
	L.Sử&Đ.Lí (Địa)	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	0	0	51	
	GDCD	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	0	17	
	L.Sử																			0	0	0	
	Ngoại ngữ	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	0	0	51	
	Thể dục	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	0	0	34	
	Nhạc	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	0	17	
	Mỹ thuật	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	0	17	
	GD ĐP	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	0	17	
	HD TN-HN	SHDC	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	0	17
		Chủ đề	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	0	17
SHL		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	0	17	
Môn học tự chọn	Tiếng dân tộc thiểu số	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
	Ngoại ngữ 2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
Tổng số tiết/ Tuần (kể cả tự chọn)		29	29	29	29	29	29	29	29	29	29	29	29	29	29	29	29	29	0	0	493		



PHỤ LỤC 3 : BẢNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH LỚP 8, NĂM HỌC 2023-2024
HỌC KÌ I

Môn/Tuần (T)		T 1	T 2	T 3	T 4	T 5	T 6	T 7	T 8	T 9	T 10	T 11	T 12	T 13	T 14	T 15	T 16	T 17	T 18	T 19	Tổng thời lượng/ môn		
MÔN HỌC BẮT BUỘC	Toán	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	0	72		
	Tin học	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	18	
	Vật lý																				0	0	
	KHTN (Sinh)	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	0	72	
	Hóa																					0	0
	Công nghệ	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	18	
	Ngữ văn	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	0	72	
	L.Sử&Đ.Lí (Địa)	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	0	54	
	GDCD	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	18	
	L.Sử																					0	0
	Ngoại ngữ	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	0	54	
	Thể dục	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	0	36	
	Nhạc	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	18	
	Mỹ thuật	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	18	
	GD ĐP	0	0	0	0	0	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	2	2	2	3	0	18	
	HD TN-HN	SHDC	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	18	
Chủ đề		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	18		
SHL		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	18		
Môn học tự chọn	Tiếng dân tộc thiểu số	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
	Ngoại ngữ 2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
Tổng số tiết/ Tuần (kể cả tự chọn)		28	28	28	28	28	29	29	29	29	29	29	29	29	29	30	30	30	31	0	522		

HỌC KÌ 2

Môn/Tuần (T)		T 19	T 20	T 21	T 22	T 23	T 24	T 25	T 26	T 27	T 28	T 29	T 30	T 31	T 32	T 33	T 34	T 35	T 36	T 37	Tổng thời lượng/ môn		
MÔN HỌC BẮT BUỘC	Toán	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	0	0	68		
	Tin học	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	0	17	
	KHTN (Sinh)	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	0	0	68	
	Hóa học																			0	0	0	
	Vật lý																			0	0	0	
	Công nghệ	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	0	0	34	
	Ngữ văn	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	0	0	68	
	L.Sử&Đ.Lí (Địa)	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	0	0	51	
	GDCD	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	0	17	
	L.Sử																			0	0	0	
	Ngoại ngữ	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	0	0	51	
	Thể dục	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	0	0	34	
	Nhạc	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	0	17	
	Mỹ thuật	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	0	17	
	GD ĐP	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	0	17	
	HD TN-HN	SHDC	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	0	17
		Chủ đề	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	0	17
		SHL	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	0	17
Môn học tự chọn	Tiếng dân tộc thiểu số	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
	Ngoại ngữ 2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
Tổng số tiết/ Tuần (kể cả tự chọn)		30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	0	0	510	



PHỤ LỤC 4 : BẢNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH LỚP 9, NĂM HỌC 2023-2024
HỌC KÌ I

Môn/Tuần (T)		T 1	T 2	T 3	T 4	T 5	T 6	T 7	T 8	T 9	T 10	T 11	T 12	T 13	T 14	T 15	T 16	T 17	T 18	T 19	Tổng thời lượng/ môn		
MÔN HỌC, HDGD BẮT BUỘC	Toán	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	0	72		
	Vật lý	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	0	36	
	CN Lý	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	18	
	Hóa học	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	0	36	
	Sinh	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	0	36	
	Công nghệ Sinh																						
	Ngữ văn	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	0	90	
	Sử	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	18	
	GDCD	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	18	
	Địa lý	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	1	0	35	
	Ngoại ngữ	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	0	54	
	Thể dục	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	0	36	
	Nhạc	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	18	
	Mỹ thuật	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	18	
	Chào cờ	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	18	
SHL	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	18		
Môn học Tự chọn	Tin học	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	0	36		
Tổng số tiết/ Tuần (kể cả tự chọn)		31	31	31	31	31	31	31	31	31	31	31	31	31	31	31	31	31	30	0	557		

HỌC KÌ 2

Môn/Tuần (T)		T 19	T 20	T 21	T 22	T 23	T 24	T 25	T 26	T 27	T 28	T 29	T 30	T 31	T 32	T 33	T 34	T 35	T 36	T 37	Tổng thời lượng/ môn		
MÔN HỌC, HDGD BẮT BUỘC	Toán	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	0	0	68		
	Vật lý	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	0	0	34	
	CN Lý	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	0	17	
	Hóa học	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	0	0	34	
	Sinh	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	0	0	34	
	Công nghệ Sinh																						
	Ngữ văn	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	0	0	85	
	Sử	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	0	0	34	
	GDCD	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	0	17	
	Địa lý	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	0	17	
	Ngoại ngữ	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	0	0	51	
	Thể dục	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	0	0	34	
	Nhạc																			0	0	0	
	Mỹ thuật																			0	0	0	
	Chào cờ	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	0	17	
	SHL	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	0	17	
Môn học Tự chọn	Tin học	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	0	0	34		
Tổng số tiết/ Tuần (kể cả tự chọn)		29	29	29	29	29	29	29	29	29	29	29	29	29	29	29	29	29	0	0	493		



PHỤ LỤC 5: BẢNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH LỚP 10, NĂM HỌC 2023-2024
HỌC KÌ I

Môn/Tuần (T)		T 1	T 2	T 3	T 4	T 5	T 6	T 7	T 8	T 9	T 10	T 11	T 12	T 13	T 14	T 15	T 16	T 17	T 18	T 19	Tổng thời lượng/ môn
MÔN HỌC BẮT BUỘC	Ngữ văn	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	0	54
	Toán	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	0	54
	Tiếng Anh	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	0	54
	GDTC	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	0	36
	GDQP-AN	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	18
	HĐTN-HN	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	0	54
	Lịch sử	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	18
	GDDP	0	0	0	0	0	1	1	1	1	1	1	1	1	1	2	2	2	3	0	18
Tổng số tiết bắt buộc/ Tuần	16	16	16	16	16	17	17	17	17	17	17	17	17	17	17	18	18	18	19	0	306
MÔN HỌC LỰA CHỌN	Địa lý	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	0	36
	GD KT & PL/Lý	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	0	36
	Sinh/Hóa	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	0	36
	Tin/CN	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	0	36
Tổng số tiết LC/Tuần	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	0	144	
CD học tập lựa chọn	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	0	54	
TỰ CHỌN	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Tổng số tiết/Tuần (không kể cả tự chọn)	27	27	27	27	27	28	28	28	28	28	28	28	28	28	29	29	29	30	0	504	
Tổng số tiết/ Tuần (kể cả tự chọn)	27	27	27	27	27	28	28	28	28	28	28	28	28	28	29	29	29	30	0	504	

HỌC Kì 2

Môn/ Tuần (T)		T 19	T 20	T 21	T 22	T 23	T 24	T 25	T 26	T 27	T 28	T 29	T 30	T 31	T 32	T 33	T 34	T 35	T 36	Tổng thời lượng/ môn
MÔN HỌC BẮT BUỘC	Ngữ văn	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	0	51
	Toán	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	0	51
	Tiếng Anh	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	0	51
	GDTC	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	0	34
	GDQP-AN	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	17
	HĐTN-HN	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	0	51
	Lịch sử	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	0	34
	GDDP	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	17
	Tổng số tiết bắt buộc/ Tuần	18	18	18	18	18	18	18	18	18	18	18	18	18	18	18	18	18	18	0
MÔN HỌC LỰA CHỌN	Địa lý	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	0	34
	GD KT & PL/Lý	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	0	34
	Sinh/Hóa	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	0	34
	Tin/CN	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	0	34
Tổng số tiết lựa chọn /Tuần	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	0	136
CD học tập lựa chọn	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	0	51	
TỰ CHỌN	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
Tổng số tiết/ Tuần (không kể cả tự chọn)	29	29	29	29	29	29	29	29	29	29	29	29	29	29	29	29	29	29	0	495
Tổng số tiết/ Tuần (kể cả tự chọn)	29	29	29	29	29	29	29	29	29	29	29	29	29	29	29	29	29	29	0	495



**PHỤ LỤC 6: BẢNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH LỚP 11, NĂM HỌC 2023-2024
HỌC KÌ I**

Môn/Tuần (T)		T 1	T 2	T 3	T 4	T 5	T 6	T 7	T 8	T 9	T 10	T 11	T 12	T 13	T 14	T 15	T 16	T 17	T 18	T 19	Tổng thời lượng/ môn	
MÔN HỌC BẮT BUỘC	Ngữ văn	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	0	54	
	Toán	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	0	54
	Tiếng Anh	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	0	54
	GDTC	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	0	36
	GDQP-AN	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	18
	HĐTN-HN	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	0	54
	Lịch sử	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	18
	GDDP	0	0	0	0	0	1	1	1	1	1	1	1	1	1	2	2	2	2	3	0	18
Tổng số tiết bắt buộc/ Tuần	16	16	16	16	16	17	17	17	17	17	17	17	17	17	17	18	18	18	19	0	306	
MÔN HỌC LỰA CHỌN	Địa lý	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	0	36
	GD KT & PL	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	0	36
	Sinh/Hóa	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	0	36
	Tin/CN	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	0	36
Tổng số tiết LC/Tuần	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	0	144	
CD học tập lựa chọn	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	0	54	
TỰ CHỌN	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
Tổng số tiết/Tuần (không kể cả tự chọn)	27	27	27	27	27	28	28	28	28	28	28	28	28	28	28	29	29	29	30	0	504	
Tổng số tiết/ Tuần (kể cả tự chọn)	27	27	27	27	27	28	28	28	28	28	28	28	28	28	28	29	29	29	30	0	504	

HỌC KÌ 2

Môn/ Tuần (T)		T 19	T 20	T 21	T 22	T 23	T 24	T 25	T 26	T 27	T 28	T 29	T 30	T 31	T 32	T 33	T 34	T 35	T 36	Tổng thời lượng/ môn
MÔN HỌC BẮT BUỘC	Ngữ văn	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	0	51
	Toán	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	0	51
	Tiếng Anh	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	0	51
	GDTC	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	0	34
	GDQP-AN	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	17
	HĐTN-HN	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	0	51
	Lịch sử	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	0	34
	GDĐP	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	17
	Tổng số tiết bắt buộc/ Tuần	18	18	18	18	18	18	18	18	18	18	18	18	18	18	18	18	18	18	0
MÔN HỌC LỰA CHỌN	Địa lý	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	0	34
	GD KT & PL	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	0	34
	Sinh/Hóa	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	0	34
	Tin/CN	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	0	34
Tổng số tiết lựa chọn /Tuần	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	0	136
CĐ học tập lựa chọn	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	0	51
TỰ CHỌN	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Tổng số tiết/ Tuần (không kể cả tự chọn)	29	29	29	29	29	29	29	29	29	29	29	29	29	29	29	29	29	29	0	495
Tổng số tiết/ Tuần (kể cả tự chọn)	29	29	29	29	29	29	29	29	29	29	29	29	29	29	29	29	29	29	0	495



PHỤ LỤC 7: BẢNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH LỚP 12, NĂM HỌC 2023-2024

HỌC KÌ I

Môn/TUẦN (T)		T 1	T 2	T 3	T 4	T 5	T 6	T 7	T 8	T 9	T 10	T 11	T 12	T 13	T 14	T 15	T 16	T 17	T 18	T 19	Tổng thời lượng/ môn	
MÔN HỌC BẮT BUỘC	Toán	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4		70	
	Tin học	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	1		34
	Vật lý	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		35
	CN Lý	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1		18
	Hóa học	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		36
	Sinh	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	1		35
	CN Sinh																					0
	Ngữ văn	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3		53
	Sử	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	1		35
	GDCD	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1		18
	Địa lý	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1		18
	Ngoại ngữ	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3		52
	Thể dục	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		36
GDQP	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1		18	
Tổng số tiết bắt buộc/Tuần	26	26	26	26	26	26	26	26	26	26	26	26	26	26	26	26	26	26	23		465	
MÔN HỌC TỰ CHỌN	Toán	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1		18	
	Ngữ văn	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1		18	
	Tiếng Anh	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1		18	
Tổng số tiết TC/Tuần	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	54	
Chào cờ	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18	
Sinh hoạt lớp	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18	
Tổng số tiết/ Tuần (kể cả tự chọn)	31	31	31	31	31	31	31	31	31	31	31	31	31	31	31	31	31	31	21	31	555	

HỌC KÌ 2

Môn/TUẦN (T)		T 19	T 20	T 21	T 22	T 23	T 24	T 25	T 26	T 27	T 28	T 29	T 30	T 31	T 32	T 33	T 34	T 35	T 36	T 37	Tổng thời lượng/ môn	
MÔN HỌC BẮT BUỘC	Toán	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3			50	
	Tin học	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1			17
	Vật lý	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2			34
	Công nghệ Lý	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1			17
	Hóa học	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2			34
	Sinh	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1			17
	CN Sinh																					0
	Ngữ văn	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3			51
	Sử	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1			17
	GDCD	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1			17
	Địa lý	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2			34
	Ngoại ngữ	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3			51
	Thể dục	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2			34
	GDQP	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1			17
	Tổng số tiết bắt buộc/Tuần	23	23	23	23	23	23	23	23	23	23	23	23	23	23	23	23	23	23	0	0	391
MÔN HỌC TỰ CHỌN	Toán	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1			17	
	Ngữ văn	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1			17	
	Tiếng Anh	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1			17	
	Tổng số tiết TC/Tuần	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	1		51	
	Chào cờ	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1			17	
	Sinh hoạt lớp	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1			17	
	Tổng số tiết/ Tuần (kể cả tự chọn)	28	28	28	28	28	28	28	28	28	28	28	28	28	28	28	28	28	27	0	0	476